

Số: 127/XN-VDHC

Quảng Ninh, ngày 28/01/2026

**BẢNG TỔNG HỢP TIỀN LƯƠNG THỰC TẾ HÀNG THÁNG CỦA LAO ĐỘNG THỢ LÒ (THỢ LÒ, CƠ ĐIỆN LÒ)**

Theo Công văn số: 246/CĐTKV-TTTS ngày 15/01/2026 của Trường Cao đẳng Than-Khoáng sản Việt Nam

Tỉnh: Cao Bằng

TT	Họ Tên	Ngày sinh	Số thẻ	Hộ khẩu	Tháng 10/2025		Tháng 11/2025		Tháng 12/2025		12 tháng/2025		Phân xưởng
					Công	Tiền lương							
1	Bê ích Hoàng	22/02/1999	9454	Nà Hoàng, Độc Lập Cao Bằng	27	27.805.200	26	27.434.840	21	23.099.300	293	347.457.700	ĐL 6
2	Tô Văn Phong	02/02/2001	09310	Xóm Táy Trên, xã Lũng Nặm, tỉnh Cao Bằng	25	24.774.200	21	19.740.515	21	26.204.300	260	284.788.500	KT 3
3	Hoàng Văn Diông	16/07/1984	08168	bản Lũng Mảo, xã Tổng Cọt, tỉnh Cao Bằng	22	25.171.600	22	25.026.010	18	21.835.000	256	311.158.100	KT 4
4	Hoàng A Vừ	10/09/1997	07650	Xóm Khau Ho, xã Sơn Lập, tỉnh Cao Bằng	22	32.163.900	21	22.826.300	23	31.047.000	260	319.404.400	ĐL 5
5	Hoàng Văn Tâm	20/10/1985	09071	Xóm Táy Trên, xã Lũng Nặm, tỉnh Cao Bằng	23	18.717.200	23	22.933.500	21	27.615.300	263	289.010.000	KT 11
6	Hoàng Văn Dân	16/06/1995	08339	Xóm Bản Gùn, xã Nguyễn Huệ, tỉnh Cao Bằng	24	23.311.800	21	20.633.170	15	18.359.000	243	301.503.300	ĐL CGĐB
7	Lương Thế Hưng	12/11/1995	08991	Bản Lũng Đầy, xã Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng	23	24.741.600	21	20.066.080	21	21.787.900	255	291.415.200	KT 10
8	Hoàng Văn Quý	08/11/1991	09285	Xóm Keo Hin, xã Đoài Dương, tỉnh Cao Bằng	19	24.962.600	22	20.014.450	22	23.649.600	264	294.836.500	ĐL BCG
9	Nguyễn Tiến Thành	12/02/1989	09186	Xóm Nà Mè, xã Hòa An, tỉnh Cao Bằng	20	18.472.200	22	21.883.907	19	23.199.900	251	268.923.800	ĐL 3
10	Triệu Tồn Nhạy	11/03/1993	08802	Xóm Phiêng Vàng, xã Huy Giáp, tỉnh Cao Bằng	15	15.470.000	21	22.390.890	21	22.592.000	228	248.494.500	KT 1
11	Nông Văn Trường	24/02/1989	08337	Xóm Bản Gùn, xã Nguyễn Huệ, tỉnh Cao Bằng	23	27.211.500	21	26.057.585	21	26.661.100	248	329.705.600	KT 10
12	Triệu Văn Tôn	20/01/1991	08451	Thôn Cầm Hào, Xã Đoài Dương, tỉnh Cao Bằng	21	24.062.000	23	23.516.700	21	23.365.000	264	300.976.200	KT 10
13	Hoàng Xuân Hòa	14/02/1989	09272	Xóm Khuổi Linh, Kim Đồng, tỉnh Cao Bằng	22	20.750.700	21	26.325.600	21	22.086.500	255	332.933.300	KT 10
14	Hoàng Văn Dụng	25/03/1994	07991	Xóm Bản Gùn, xã Nguyễn Huệ, tỉnh Cao Bằng	24	32.498.200	23	37.296.065	21	37.033.300	270	427.054.200	KT 2
15	Lý Văn Trường	12/11/2000	09237	Xóm Táy Trên, xã Lũng Nặm, tỉnh Cao Bằng	22	22.295.200	21	20.576.580	21	23.634.900	240	257.323.100	KT 3
16	Phùng Tào Lúu	06/08/2002	08825	Xóm Lũng Chàm, xã Khánh Xuân, tỉnh Cao Bằng	24	33.186.200	21	24.393.354	24	36.892.200	275	368.844.300	KT 5
17	Phùng Văn Truyền	01/01/1987	08330	Thôn Lạc Trên, xã Hạnh Phúc, tỉnh Cao Bằng	24	32.428.000	18	20.854.941	18	23.650.000	261	359.703.200	KT 6
18	Hoàng Văn Vịnh	09/04/1990	08335	Xóm Bản Gùn, xã Nguyễn Huệ, tỉnh Cao Bằng	23	25.175.500	11	15.776.800	23	31.850.000	253	307.023.000	KT 9
19	Vương Văn Hồng	10/04/1997	07846	Thôn Cốc Pháp, xã Quảng Lâm, tỉnh Cao Bằng	25	31.797.000	21	25.925.970	21	28.614.100	263	331.473.400	KTCGH 02
20	Đàm Văn Vận	05/05/1988	09093	Xóm Nà Bó, xã Hạnh Phúc, tỉnh Cao Bằng	26	22.601.200	22	20.468.494	21	23.741.200	269	289.080.200	KT 1

**Ghi chú**

Một số chế độ đãi ngộ đã thực hiện đối với thợ lò, cơ điện lò là công nhân của Công ty.

1. Đối với việc ăn ở, đi lại, tắm giặt sau ca làm việc:

+ Công ty thực hiện phục vụ ăn tự chọn miễn phí 100% số người lao động làm việc trong khai trường, đảm bảo chất lượng tốt, đáp ứng tái sản xuất sức khỏe cho người lao động.

- + Người lao động đến nơi làm việc và trở về nơi ở được Công ty bố trí xe 45 chỗ đưa đón miễn phí phương tiện đảm bảo An toàn, sạch sẽ, có máy điều hòa nhiệt độ.
- + Công ty có 02 khu nhà chung cư (Khu 5 tầng và khu 9 tầng) với 156 phòng nghỉ khép kín có đủ các điều kiện cơ bản để sinh hoạt (Giường tủ, bàn ghế, điều hòa nhiệt độ, quạt,...) Khuôn viên kang trang, có các cơ sở phục vụ nhu cầu giải trí như công cụ hỗ trợ tập thể dục và sân Bóng đá, Bóng chuyền, Bi a, bóng bàn phục vụ nhu cầu giải trí.
- + Công ty tổ chức cấp phát đá viên, viên uống C sủi đầu các ca sản xuất đến tận nhà giao ca của các đơn vị để phục vụ người lao động làm việc trong các tháng mùa hè nóng bức. Công ty thường xuyên cải thiện môi trường làm việc kết hợp trang bị các Phương tiện bảo hộ cá nhân đặc thù nhằm giữ gìn sức khỏe cho người lao động như mặt nạ chống bụi trong hầm lò, áo điều hòa khi làm việc tại các phòng, kho bãi nắng nóng.

2. Trong các dịp tết nguyên đán: Công ty bố trí xe ca đưa đón Công nhân về quê về quê đón tết, và hỗ trợ tiền vé xe đối với các khu vực không bố trí được xe tuyến (do ít người không đủ chuyến, do vị trí di chuyển quá gần).

3. Các dịp lễ, tết người lao động được nghỉ và hưởng nguyên lương và bổ sung tiền lương theo từng dịp.

4. Hàng tháng được khuyến khích tiền lương theo thâm niên nghề đối với thợ lò có thời gian công tác từ 03 năm trở lên và tỷ lệ tăng theo số năm công tác, Bình quân chi trả thường xuyên là 1.500.000đ/người/tháng

5. Thợ lò, cơ điện lò không ở cùng gia đình làm việc đủ từ 21 công -:- 24 công/tháng được đăng ký nghỉ làm việc từ 3-5 ngày/tháng để về thăm gia đình ở xa nơi làm việc và được Công ty hỗ trợ tiền xe cho công nhân là: 500.000đ/lần/1 lượt.

6. Hàng năm công ty chi trả tiền lương khuyến khích an toàn năm cho người lao động theo mức từ 3 -:- 5 tháng bình quân tiền lương an toàn hàng tháng, tùy theo mức độ của công việc người lao động thực hiện liên quan đến công tác an toàn.

7. Các Quý khi phát động người lao động tăng cao tỉ lệ thực hiện ngày công hữu ích phục vụ sản xuất, Công ty xét khuyến khích đối với người lao động là thợ lò, cơ điện lò có ngày công cao từ 1.000.000đ – 2.000.000đ /người/Quý.

8. Hàng năm Công ty tổ chức đào tạo học liên thông từ sơ cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò lên trung cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò, học ngoài giờ sản xuất, cấp học bổng trong thời gian học lý thuyết mỗi tháng 1.000.000 đ nếu đi học đầy đủ, xuất sắc.

9. Hàng tháng Công ty xét khuyến khích tiền lương cho công nhân thợ lò, cơ điện lò có bằng trung cấp nghề trở lên mỗi tháng từ 700.000đ - 2.000.000đ.

10. Công tác khám sức khỏe định kỳ được thực hiện 2 lần/năm đối với Công nhân làm việc nặng nhọc, độc hại

11. Hàng năm công ty hỗ trợ tiền 2.500.000 đ cho CBCNV toàn Công ty đi nghỉ cuối tuần và hỗ trợ 3.000.000 đ cho kỳ nghỉ cuối năm.

12. Đối với thợ lò và cơ điện lò có thành tích xuất sắc được Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tuyên dương, được Công ty tổ chức chuyến du lịch từ 5 -:-7 ngày trong và ngoài nước cho công nhân và người thân với mức chi phí từ 18.000.000 đ – 30.000.000 đ.

13. Thống kê công nhân có thu nhập cao từ năm 2023 đến năm 2025 của Công ty.

- Năm 2023 Công ty có : 03 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng/người/ năm trở lên

: 24 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm

: 315 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.

: 1172 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm trở lên.

- Năm 2024 Công ty có:

: 10 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng/người/ năm trở lên



- : 64 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm.
- : 147 thợ lò có tổng thu nhập từ 450 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
- : 351 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <450 triệu đồng/người/ năm.
- : 639 thợ lò có tổng thu nhập từ 350 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm.
- : 566 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng /người/ năm trở lên.

- Năm 2025 Công ty có:

- : 02 thợ lò có tổng thu nhập từ 700 triệu đồng/người/ năm trở lên
- : 08 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng đến <700 triệu đồng/người/ năm.
- : 56 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm.
- : 433 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
- : 586 thợ lò có tổng thu nhập từ 350 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm.
- : 566 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng /người/ năm trở lên.

14. Hàng tháng Công ty hỗ trợ (tiền lương danh nghĩa) như tiền ăn, tắm giặt, đi lại, trang bị BHLĐ, nhà ở...3.500.000đ/người/tháng.

15. Các tổ chức đoàn thể và chuyên môn Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho người lao động: Hội diễn văn nghệ, các giải thể thao bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, bóng bàn, các trò chơi dân gian vào các ngày lễ kỷ niệm của ngành than và đất nước.

16. Hằng năm thợ lò, cơ điện lò tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất được đi thăm quan, nghỉ mát cùng các thành viên trong gia đình từ 3 - 5 ngày, toàn bộ chi phí ăn ở, đi lại... do Công ty chi trả.

**Người lập**



**Phan Thị Hoa**

**TP. TCLĐ-YT**



**Nguyễn Hải Phi**

**GIÁM ĐỐC**



**Cao Việt Phương**



**BẢNG TỔNG HỢP TIỀN LƯƠNG THỰC TẾ HÀNG THÁNG CỦA LAO ĐỘNG THỢ LÒ (THỢ LÒ, CƠ ĐIỆN LÒ)**

Theo Công văn số: 246/CĐTKV-TTTS ngày 15/01/2026 của Trường Cao đẳng Than-Khoáng sản Việt Nam

Tỉnh: Lào Cai

TT	Họ Tên	Ngày sinh	Số thẻ	Hộ khẩu	Tháng 10/2025		Tháng 11/2025		Tháng 12/2025		12 tháng/2025		Phân xưởng
					Công	Tiền lương							
1	Ly Thành Công	06/05/1993	09149	Thôn Mào Sao Chải, xã Sín Chéng, tỉnh Lào Cai	24	20.395.200	20	20.658.200	22	30.073.200	239	273.364.200	ĐL 3
2	Ma Seo Xóa	02/03/1998	09275	Thôn Lùng Vai, xã Bản Lầu, tỉnh Lào Cai	22	23.165.200	21	33.751.195	20	34.004.500	240	333.385.100	ĐL 4
3	Thào Seo Đông	29/03/1998	09212	Thôn Cán Chải, xã Nghĩa Đô, tỉnh Lào Cai	22	18.645.200	21	19.863.380	18	16.688.600	252	266.805.900	KT 1
4	Hoàng Trọng Khiêm	15/02/1989	09405	bản Nà Khương, xã Bảo Yên, tỉnh Lào Cai	22	24.974.200	23	27.881.221	21	24.777.300	270	302.456.300	KT 11
5	La Văn Tiên	01/12/2003	09198	Thôn 2 Minh Chiềng, Minh Lương, Lào Cai	17	16.900.700	25	20.989.251	29	34.036.200	290	285.309.600	KT 9
6	Giàng A Giang	09/10/1993	08915	Thôn Mào Sao Phìn, xã Sín Chéng, tỉnh Lào Cai	24	23.987.500	18	19.985.600	23	25.258.700	258	267.479.700	ĐL BCG
7	Tần Văn Chương	27/11/1996	08030	Thôn Na Lang, xã Bản Lầu, tỉnh Lào Cai	19	20.273.000	23	29.908.290	22	26.001.600	223	280.059.200	ĐL 3
8	Dương Tuấn Anh	22/08/1998	07971	Thôn An Trà, xã Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	26	23.318.900	27	25.629.266	19	22.278.600	297	317.591.600	KT 1
9	Lý A Dế	15/02/1996	08810	Thôn Mả Mù Sứ 1, xã Dền Sáng, tỉnh Lào Cai	21	19.758.000	22	19.757.500	18	18.919.000	250	264.727.600	KT 1
10	Lù Văn Thắng	27/06/2000	09175	Thôn Na Ân, xã Bảo Nhại, tỉnh Lào Cai	8	11.770.400	8	8.693.500	17	18.029.600	203	264.666.600	KT 10
11	Phùng Văn Long	01/08/1990	08550	Thôn Nà Thái, xã Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	22	26.576.300	24	28.197.300	21	29.232.000	261	304.715.700	KT 3
12	Đàm Văn Niêm	19/12/1989	08995	Thôn Bản Pầu, xã Dương Quý, tỉnh Lào Cai	29	33.896.000	23	27.361.880	20	26.578.000	287	342.846.900	KT 3
13	Lù Văn Hường	19/11/1988	08482	Thôn Na Ân, xã Bảo Nhại, tỉnh Lào Cai	24	27.705.800	23	23.456.365	22	28.805.300	255	286.538.600	KT 5
14	Đặng Phúc Tinh	05/02/1997	09048	Thôn Nậm Mười, xã Nậm Chày, tỉnh Lào Cai	21	26.864.300	23	31.957.510	20	28.679.300	286	371.385.700	KT 9
15	Tần Láo Pà	03/05/1990	08082	Thôn Séo Pờ Hồ, xã Mường Hum, tỉnh Lào Cai	22	27.150.600	21	25.578.285	21	24.305.100	227	306.180.800	KTCGH 01
16	Sùng Din Chúng	27/02/1989	08720	Thôn Sinh Lùng Chải, xã Cao Sơn, tỉnh Lào Cai	23	23.858.500	22	24.321.825	21	25.206.000	265	299.091.700	KTCGH 02
17	Hầu Seo Săng	01/02/1999	08741	Bản Kẹm, xã Xuân Hòa, tỉnh Lào Cai	23	19.296.000	22	16.992.144	22	18.850.000	261	251.477.000	ĐL CGĐB
18	Hoàng Văn Nghĩa	06/01/1994	08976	thôn Nà Thái, xã Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	21	19.057.500	21	19.014.180	18	21.740.300	211	238.853.000	KT 11

**Ghi chú**

Một số chế độ đãi ngộ đã thực hiện đối với thợ lò, cơ điện lò là công nhân của Công ty.

1. Đối với việc ăn ở, đi lại, tắm giặt sau ca làm việc:

- + Công ty thực hiện phục vụ ăn tự chọn miễn phí 100% số người lao động làm việc trong khai trường, đảm bảo chất lượng tốt, đáp ứng tái sản xuất sức khỏe cho người lao động. Trong đó mức ăn định lượng của thợ lò và những người làm việc trong hầm lò là 65.000 đồng/công (bao gồm cả bữa chính và bữa phụ).
- + Sau ca làm việc, Công nhân làm trong hầm lò được phục vụ: Nhà tắm nước nóng, lạnh. Quần áo, ủng mũ có Bộ phận giặt sấy và xếp gọn vào tủ đồ riêng của từng cá nhân.



- + Người lao động đến nơi làm việc và trở về nơi ở được Công ty bố trí xe 45 chỗ đưa đón miễn phí phương tiện đảm bảo An toàn, sạch sẽ, có máy điều hòa nhiệt độ.
- + Công ty có 02 khu nhà chung cư (Khu 5 tầng và khu 9 tầng) với 156 phòng nghỉ khép kín có đủ các điều kiện cơ bản để sinh hoạt (Giường tủ, bàn ghế, điều hòa nhiệt độ, quạt,...) Khuôn viên xanh mát, có các cơ sở phục vụ nhu cầu giải trí như công cụ hỗ trợ tập thể dục và sân Bóng đá, Bóng chuyền, Bida, bóng bàn phục vụ nhu cầu giải trí.
- + Công ty tổ chức cấp phát đá viên, viên uống C sủi đầu các ca sản xuất đến tận nhà giao ca của các đơn vị để phục vụ người lao động làm việc trong các tháng mùa hè nóng bức. Công ty thường xuyên cải thiện môi trường làm việc kết hợp trang bị các Phương tiện bảo hộ cá nhân đặc thù nhằm giữ gìn sức khỏe cho người lao động như mặt nạ chống bụi trong hầm lò, áo điều hòa khi làm việc tại các phòng, kho bãi nắng nóng.
- Trong các dịp tết nguyên đán: Công ty bố trí xe đưa đón Công nhân về quê về quê đón tết, và hỗ trợ tiền vé xe đối với các khu vực không bố trí được xe tuyến (do ít người không đủ chuyến, do vị trí đi chuyển quá gần).
  - Các dịp lễ, tết người lao động được nghỉ và hưởng nguyên lương và bổ sung tiền lương theo từng dịp.
  - Hàng tháng được khuyến khích tiền lương theo thâm niên nghề đối với thợ lò có thời gian công tác từ 03 năm trở lên và tỷ lệ tăng theo số năm công tác, Bình quân chi trả thường xuyên là 1.500.000đ/người/tháng
  - Thợ lò, cơ điện lò không ở cùng gia đình làm việc đủ từ 21 công -:- 24 công/tháng được đăng ký nghỉ làm việc từ 3-5 ngày/tháng để về thăm gia đình ở xa nơi làm việc và được Công ty hỗ trợ tiền xe cho công nhân là: 500.000đ/lần/1 lượt.
  - Hàng năm công ty chi trả tiền lương khuyến khích an toàn năm cho người lao động theo mức từ 3 -:- 5 tháng bình quân tiền lương an toàn hàng tháng, tùy theo mức độ của công việc người lao động thực hiện liên quan đến công tác an toàn.
  - Các Quý khi phát động người lao động tăng ca tỉ lệ thực hiện ngày công hữu ích phục vụ sản xuất, Công ty xét khuyến khích đối với người lao động là thợ lò, cơ điện lò có ngày công cao từ 1.000.000đ – 2.000.000đ /người/Quý.
  - Hàng năm Công ty tổ chức đào tạo học liên thông từ sơ cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò lên trung cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò, học ngoài giờ sản xuất, cấp học bổng trong thời gian học lý thuyết mỗi tháng 1.000.000 đ nếu đi học đầy đủ, xuất sắc.
  - Hàng tháng Công ty xét khuyến khích tiền lương cho công nhân thợ lò, cơ điện lò có bằng trung cấp nghề trở lên mỗi tháng từ 700.000đ - 2.000.000đ.
  - Công tác khám sức khỏe định kỳ được thực hiện 2 lần/năm đối với Công nhân làm việc nặng nhọc, độc hại
  - Hàng năm công ty hỗ trợ tiền 2.500.000 đ cho CBCNV toàn Công ty đi nghỉ cuối tuần và hỗ trợ 3.000.000 đ cho kỳ nghỉ cuối năm.
  - Đối với thợ lò và cơ điện lò có thành tích xuất sắc được Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tuyên dương, được Công ty tổ chức chuyến du lịch từ 5 -:-7 ngày trong và ngoài nước cho công nhân và người thân với mức chi phí từ 18.000.000 đ – 30.000.000 đ.
  - Thống kê công nhân có thu nhập cao từ năm 2023 đến năm 2025 của Công ty.
    - Năm 2023 Công ty có : 03 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng/người/ năm trở lên
      - : 24 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm
      - : 315 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
      - : 1172 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm trở lên.
    - Năm 2024 Công ty có:
      - : 10 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng/người/ năm trở lên



- : 64 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm.
- : 147 thợ lò có tổng thu nhập từ 450 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
- : 351 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <450 triệu đồng/người/ năm.
- : 639 thợ lò có tổng thu nhập từ 350 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm.
- : 566 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng /người/ năm trở lên.

- Năm 2025 Công ty có:

- : 02 thợ lò có tổng thu nhập từ 700 triệu đồng/người/ năm trở lên
- : 08 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng đến <700 triệu đồng/người/ năm.
- : 56 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm.
- : 433 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
- : 586 thợ lò có tổng thu nhập từ 350 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm.
- : 566 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng /người/ năm trở lên.

14. Hàng tháng Công ty hỗ trợ (tiền lương danh nghĩa) như tiền ăn, tắm giặt, đi lại, trang bị BHLĐ, nhà ở...3.500.000đ/người/tháng.

15. Các tổ chức đoàn thể và chuyên môn Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho người lao động: Hội diễn văn nghệ, các giải thể thao bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, bóng bàn, các trò chơi dân gian vào các ngày lễ kỷ niệm của ngành than và đất nước.

16. Hàng năm thợ lò, cơ điện lò tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất được đi thăm quan, nghỉ mát cùng các thành viên trong gia đình từ 3 - 5 ngày, toàn bộ chi phí ăn ở, đi lại.. do Công ty chi trả.

**Người lập**



**Phan Thị Hoa**

**TP. TCLĐ-YT**



**Nguyễn Hải Phi**

**GIÁM ĐỐC**



**Cao Việt Phương**



Số: 1127/XN-VDHC

Quảng Ninh, ngày 28/01/2026

**BẢNG TỔNG HỢP TIỀN LƯƠNG THỰC TẾ HÀNG THÁNG CỦA LAO ĐỘNG THỢ LÒ (THỢ LÒ, CƠ ĐIỆN LÒ)**

Theo Công văn số: 246/CĐTKV-TTTS ngày 15/01/2026 của Trường Cao đẳng Than-Khoáng sản Việt Nam

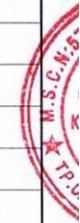
Tỉnh: Lạng Sơn

TT	Họ Tên	Ngày sinh	Số thẻ	Hộ khẩu	Tháng 10/2025		Tháng 11/2025		Tháng 12/2025		12 tháng/2025		Phân xưởng
					Công	Tiền lương							
1	Hoàng Văn Hùng	28/02/1995	09406	Làng Ngôn, xã Tân Thành, tỉnh Lạng Sơn	24	26.308.200	21	20.086.190	21	27.546.300	266	332.724.100	KT 4
2	Hoàng Thế Kiên	02/06/1984	07901	Khu Nà Nghiêu, xã Thất Khê, tỉnh Lạng Sơn	25	26.154.000	21	24.113.985	19	22.954.000	262	303.686.200	ĐL BCG
3	Lục Văn Lê	20/04/1987	09330	Khu Cấp Kê, xã Thất Khê, tỉnh Lạng Sơn	22	27.747.900	24	27.146.200	21	25.460.900	280	326.987.800	ĐL BCG
4	Nông Văn Chấn	16/10/1989	08733	Hợp Nhất, Chiến Thắng, Lạng Sơn	24	28.470.800	19	21.565.200	21	27.986.000	255	322.811.600	ĐL 3
5	Lý Văn Tú	05/10/1989	08847	Tổ, 1 Khối 3, xã Vĩnh Trại, tỉnh Lạng Sơn	22	25.922.200	19	22.873.670	21	26.316.900	249	294.605.900	ĐL 3
6	Vi Văn Định	07/10/2002	09041	Khòn cháo Co cai, Xã Lợi Bắc, Lạng Sơn	25	26.078.800	22	23.505.592	19	27.289.900	277	320.043.500	ĐL 3
7	Lành Văn Thuận	06/09/1988	07047	Bản Tấu, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn	24	26.997.400	22	23.284.400	22	29.725.900	272	341.524.100	ĐL 4
8	Phùng Văn Thôn	02/10/1995	08862	Thôn Bản Dù, xã Chiến Thắng, tỉnh Lạng Sơn	24	23.794.800	21	21.051.570	21	26.386.000	251	291.008.500	ĐL 4
9	Nông Văn Theo	03/03/1995	07651	Thôn Hợp Nhất, xã Thống Nhất, tỉnh Lạng Sơn	17	18.665.300	15	18.225.700	20	27.085.400	245	301.071.200	ĐL 5
10	Lành Văn Thao	15/11/1990	08713	Bản Tấu, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn	23	28.984.500	22	25.952.190	22	25.954.300	251	307.362.400	ĐL 5
11	Lăng Hoàng Duy	24/05/2004	09135	Thôn Pác Bó, xã Hoàng Văn Thụ, tỉnh Lạng Sơn	25	25.039.000	25	24.086.840	28	33.338.200	269	282.287.900	ĐL 5
12	Lương Văn Hưng	10/04/2002	09136	Thôn Pác Bó, xã Hoàng Văn Thụ, tỉnh Lạng Sơn	25	27.916.500	24	25.141.350	26	31.270.400	288	319.439.500	ĐL 5
13	Đàm Nguyên Giáp	07/11/1993	09163	Thôn Tảng Mật, Tân Thành, tỉnh Lạng Sơn	26	38.057.900	22	24.261.800	22	24.947.000	273	345.100.300	ĐL 5
14	Lý Văn Quyết	15/01/1994	07050	Khu 5B, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn	24	31.100.400	24	29.045.350	21	27.415.400	273	391.463.700	ĐL 6
15	Trương Việt Hoàng	13/09/1998	07830	Thôn bản quan, xã Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn	24	32.739.600	25	31.853.880	23	34.475.200	281	415.712.800	ĐL 6
16	Nông Trung Nghĩa	01/01/1985	06170	Thôn Lay, xã Thiện Tân, tỉnh Lạng Sơn	24	23.854.500	23	24.024.000	22	27.317.200	265	324.595.000	KT 1
17	Lăng Văn Tình	17/05/1988	08790	Thôn Pò Kiên, xã Tân Tiến, tỉnh Lạng Sơn	24	21.194.800	21	22.891.601	22	25.040.300	261	283.382.800	KT 1
18	Hoàng Văn Viên	15/09/1993	07707	thôn Hợp Nhất, xã Thống Nhất, tỉnh Lạng Sơn	23	26.126.000	16	20.977.300	21	23.867.900	249	350.136.200	KT 4
19	Dương Thời Hoan	03/05/1988	08968	Thôn Khau rắng, xã Tân Tri, tỉnh Lạng Sơn	25	38.423.200	22	27.634.580	22	31.061.200	264	365.132.800	KT 6
20	Lương Văn Sơn	25/08/1991	09260	Thôn Nam Lân 1, Vạn Ninh, tỉnh Lạng Sơn	22	19.041.200	22	19.832.200	21	22.429.600	250	277.392.800	KT 2
21	Lành Văn Bảo	14/04/1992	09162	Thôn Bản Tấu, Na Dương, tỉnh Lạng Sơn	25	27.279.200	23	28.654.780	20	27.492.600	255	311.060.600	ĐL 5

**Ghi chú**

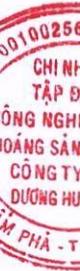
Một số chế độ đãi ngộ đã thực hiện đối với thợ lò, cơ điện lò là công nhân của Công ty.

1. Đối với việc ăn ở, đi lại, tắm giặt sau ca làm việc:



Handwritten signature or mark.

- + Công ty thực hiện phục vụ ăn tự chọn miễn phí 100% số người lao động làm việc trong khai trường, đảm bảo chất lượng tốt, đáp ứng tái sản xuất sức khỏe cho người lao động. Trong đó mức ăn định lượng của thợ lò và những người làm việc trong hầm lò là 65.000 đồng/công (bao gồm cả bữa chính và bữa phụ).
- + Sau ca làm việc, Công nhân làm trong hầm lò được phục vụ: Nhà tắm nước nóng, lạnh. Quần áo, ủng mũ có Bộ phận giặt sấy và xếp gọn vào tủ đồ riêng của từng cá nhân.
- + Người lao động đến nơi làm việc và trở về nơi ở được Công ty bố trí xe 45 chỗ đưa đón miễn phí phương tiện đảm bảo An toàn, sạch sẽ, có máy điều hòa nhiệt độ.
- + Công ty có 02 khu nhà chung cư (Khu 5 tầng và khu 9 tầng) với 156 phòng nghỉ khép kín có đủ các điều kiện cơ bản để sinh hoạt (Giường tủ, bàn ghế, điều hòa nhiệt độ, quạt,...) Khuôn viên kang trang, có các cơ sở phục vụ nhu cầu giải trí như công cụ hỗ trợ tập thể dục và sân Bóng đá, Bóng chuyền, Bi a, bóng bàn phục vụ nhu cầu giải trí.
- + Công ty tổ chức cấp phát đá viên, viên uống C sủi đầu các ca sản xuất đến tận nhà giao ca của các đơn vị để phục vụ người lao động làm việc trong các tháng mùa hè nóng bức. Công ty thường xuyên cải thiện môi trường làm việc kết hợp trang bị các Phương tiện bảo hộ cá nhân đặc thù nhằm giữ gìn sức khỏe cho người lao động như mặt nạ chống bụi trong hầm lò, áo điều hòa khi làm việc tại các phòng, kho bãi nắng nóng.
2. Trong các dịp tết nguyên đán: Công ty bố trí xe ca đưa đón Công nhân về quê về quê đón tết, và hỗ trợ tiền vé xe đối với các khu vực không bố trí được xe tuyến (do ít người không đủ chuyến, do vị trí di chuyển quá gần).
3. Các dịp lễ, tết người lao động được nghỉ và hưởng nguyên lương và bổ sung tiền lương theo từng dịp.
4. Hàng tháng được khuyến khích tiền lương theo thâm niên nghề đối với thợ lò có thời gian công tác từ 03 năm trở lên và tỷ lệ tăng theo số năm công tác, Bình quân chi trả thường xuyên là 1.500.000đ/người/tháng
5. Thợ lò, cơ điện lò không ở cùng gia đình làm việc đủ từ 21 công -:- 24 công/tháng được đăng ký nghỉ làm việc từ 3-5 ngày/tháng để về thăm gia đình ở xa nơi làm việc và được Công ty hỗ trợ tiền xe cho công nhân là: 500.000đ/lần/1 lượt.
6. Hàng năm công ty chi trả tiền lương khuyến khích an toàn năm cho người lao động theo mức từ 3 -:- 5 tháng bình quân tiền lương an toàn hàng tháng, tùy theo mức độ của công việc người lao động thực hiện liên quan đến công tác an toàn.
7. Các Quý khi phát động người lao động tăng ca tỉ lệ thực hiện ngày công hữu ích phục vụ sản xuất, Công ty xét khuyến khích đối với người lao động là thợ lò, cơ điện lò có ngày công cao từ 1.000.000đ – 2.000.000đ /người/Quý.
8. Hàng năm Công ty tổ chức đào tạo học liên thông từ sơ cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò lên trung cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò, học ngoài giờ sản xuất, cấp học bổng trong thời gian học lý thuyết mỗi tháng 1.000.000 đ nếu đi học đầy đủ, xuất sắc.
9. Hàng tháng Công ty xét khuyến khích tiền lương cho công nhân thợ lò, cơ điện lò có bằng trung cấp nghề trở lên mỗi tháng từ 700.000đ - 2.000.000đ.
10. Công tác khám sức khỏe định kỳ được thực hiện 2 lần/năm đối với Công nhân làm việc nặng nhọc, độc hại
11. Hàng năm công ty hỗ trợ tiền 2.500.000 đ cho CBCNV toàn Công ty đi nghỉ cuối tuần và hỗ trợ 3.000.000 đ cho kỳ nghỉ cuối năm.
12. Đối với thợ lò và cơ điện lò có thành tích xuất sắc được Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tuyên dương, được Công ty tổ chức chuyến du lịch từ 5 -:-7 ngày trong và ngoài nước cho công nhân và người thân với mức chi phí từ 18.000.000 đ – 30.000.000 đ.
13. Thống kê công nhân có thu nhập cao từ năm 2023 đến năm 2025 của Công ty.
- Năm 2023 Công ty có : 03 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng/người/ năm trở lên
- : 24 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm
  - : 315 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
  - : 1172 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm trở lên.



86



**BẢNG TỔNG HỢP TIỀN LƯƠNG THỰC TẾ HÀNG THÁNG CỦA LAO ĐỘNG THỢ LÒ (THỢ LÒ, CƠ ĐIỆN LÒ)**

Theo Công văn số: 246/CĐTKV-TTTS ngày 15/01/2026 của Trường Cao đẳng Than-Khoáng sản Việt Nam

Tỉnh: Hà Giang (cũ)

TT	Họ Tên	Ngày sinh	Số thẻ	Hộ khẩu	Tháng 10/2025		Tháng 11/2025		Tháng 12/2025		12 tháng/2025		Phân xưởng
					Công	Tiền lương							
1	Vương Văn Thắng	09/06/1993	08745	Bản Páng, Bản Máy, Hoàng Su Phì, Hà Giang	21	23.095.000	21	22.615.685	22	32.378.700	240	304.234.300	ĐL BCG
2	Hầu Mí Tùa	23/11/1987	09282	Nà Sài, Đông Hà, Quản Bạ, Hà Giang	23	22.691.200	20	21.596.600	20	27.938.300	268	322.791.000	ĐL 3
3	Lù Chá Tư	16/06/2002	08832	Na Pan, Cốc Pài, Xín Mần, Hà Giang	27	22.697.200	22	21.839.070	26	27.753.500	271	285.720.200	ĐL 4
4	Hoàng Văn Sơn	25/01/1989	07679	Đội 1, Đá Bàn, Hùng An, Bắc Quang, Hà Giang	28	37.203.200	21	25.296.594	25	33.049.600	268	359.844.700	ĐL 5
5	Lý Văn Tậu	03/10/1997	08788	Mào Phìn, Phương Tiến, Vị Xuyên, Hà Giang	23	23.535.200	18	18.543.535	26	27.409.200	277	332.409.700	ĐL 6
6	Vừ Mí Mua	08/01/2001	08760	Má Lâu B, Ma Lé, Đồng Văn, Hà Giang	24	23.179.000	18	19.585.980	25	26.885.000	281	281.324.000	KT 1
7	Sùng Mí Đình	17/05/1998	09274	Tờ Đú, Mèo Vạc, Mèo Vạc, Hà Giang		2.746.400	23	25.010.225	21	21.810.300	247	309.694.900	KT 10
8	Lý Thanh Bình	28/08/1986	08520	Lùng Mười, Quyết Tiến, Quản Bạ, Hà Giang	22	19.897.000	25	26.885.280	21	25.836.000	273	335.427.500	KT 11
9	Lương Văn Kiểm	05/06/1995	09171	Khuân Làng, Tùng Bá, Vị Xuyên, Hà Giang	22	23.722.100	25	25.067.425	21	26.026.900	274	333.954.100	KT 11
10	Thèn Văn Phó	14/05/1995	07700	Pặc ngum, Chiến Phố, Hoàng Su Phì, Hà Giang	23	25.273.000	21	21.171.785	25	31.328.000	261	315.017.100	KT 2
11	Tần Cù Sơn	20/04/1991	08412	Vả Thàng II, Cao Mã Pờ, Quản Bạ, Hà Giang	24	26.182.200	22	23.296.000	25	29.656.000	277	380.250.800	KT 3
12	Sùng Mí Sừ	05/07/1992	08626	Hợp Tiến, Lùng Tám, Quản Bạ, Hà Giang	22	31.051.500	21	34.978.540	21	35.621.500	234	410.914.500	KT 2
13	Tần Phồng Min	28/08/1988	08418	Vả Thàng II, Cao Mã Pờ, Quản Bạ, Hà Giang	25	28.913.000	23	25.745.765	23	30.803.500	269	317.479.400	KT 3
14	Đặng Văn Hùng	06/01/1993	08804	Thành Tâm, Việt Hồng, Bắc Quang, Hà Giang	22	30.155.300	22	28.087.425	23	32.888.000	262	345.364.200	KT 9
15	Thèn Seo Chính	06/07/1995	08792	Cốc Rạc, Thàng Tín, Hoàng Su Phì, Hà Giang	20	19.688.800	22	22.290.075	22	27.603.300	265	298.622.500	KT 1
16	Trần Văn Mưu	09/05/1987	08923	Mịch A, Thuận Hòa, Vị Xuyên, Hà Giang	22	23.366.200	21	20.854.300	18	19.152.300	240	265.618.700	KT 10
17	Vừ Mí Sáu	28/08/1995	08246	Má Lâu B, Má Lé, Đồng Văn, Hà Giang	22	27.170.600	20	21.996.800	21	23.439.100	268	348.601.100	KT 5
18	Thèn Quốc Phong	03/10/1990	08732	Bản Páng, Bản Máy, Hoàng Su Phì, Hà Giang	24	23.783.800	23	24.745.700	21	29.426.000	261	304.055.300	KT 9
19	Lù A Phùng	26/10/1996	08102	Tàng Sám, Ngọc Long, Yên Ninh, Hà Giang	23	26.811.000	15	16.001.290	16	19.009.000	247	303.726.600	KT CGH 02
20	Ma Văn Mao	03/12/1993	08558	Mịch A, Thuận Hòa, Vị Xuyên, Hà Giang	26	28.757.500	21	26.229.855	24	40.834.600	265	349.040.700	KT CGH 02

**Ghi chú**

Một số chế độ đãi ngộ đã thực hiện đối với thợ lò, cơ điện lò là công nhân của Công ty.

1. Đối với việc ăn ở, đi lại, tắm giặt sau ca làm việc:

+ Công ty thực hiện phục vụ ăn tự chọn miễn phí 100% số người lao động làm việc trong khai trường, đảm bảo chất lượng tốt, đáp ứng tái sản xuất sức khỏe cho người lao động.



*Handwritten signature*

- Trong đó mức ăn định lượng của thợ lò và những người làm việc trong hầm lò là 65.000 đồng/công (bao gồm cả bữa chính và bữa phụ).
- + Sau ca làm việc, Công nhân làm trong hầm lò được phục vụ: Nhà tắm nước nóng, lạnh. Quần áo, ủng mũ có Bộ phận giặt sấy và xếp gọn vào tủ đồ riêng của từng cá nhân.
  - + Người lao động đến nơi làm việc và trở về nơi ở được Công ty bố trí xe 45 chỗ đưa đón miễn phí phương tiện đảm bảo An toàn, sạch sẽ, có máy điều hòa nhiệt độ.
  - + Công ty có 02 khu nhà chung cư (Khu 5 tầng và khu 9 tầng) với 156 phòng nghỉ khép kín có đủ các điều kiện cơ bản để sinh hoạt (Giường tủ, bàn ghế, điều hòa nhiệt độ, quạt,...) Khuôn viên kang trang, có các cơ sở phục vụ nhu cầu giải trí như công cụ hỗ trợ tập thể dục và sân Bóng đá, Bóng chuyền, Bì a, bóng bàn phục vụ nhu cầu giải trí.
  - + Công ty tổ chức cấp phát đá viên, viên uống C sủi đầu các ca sản xuất đến tận nhà giao ca của các đơn vị để phục vụ người lao động làm việc trong các tháng mùa hè nóng bức.
- Công ty thường xuyên cải thiện môi trường làm việc kết hợp trang bị các Phương tiện bảo hộ cá nhân đặc thù nhằm giữ gìn sức khỏe cho người lao động như mặt nạ chống bụi trong hầm lò, áo điều hòa khi làm việc tại các phòng, kho bãi nắng nóng.
2. Trong các dịp tết nguyên đán: Công ty bố trí xe ca đưa đón Công nhân về quê về quê đón tết, và hỗ trợ tiền vé xe đối với các khu vực không bố trí được xe tuyến (do ít người không đủ chuyến, do vị trí di chuyển quá gần).
  3. Các dịp lễ, tết người lao động được nghỉ và hưởng nguyên lương và bổ sung tiền lương theo từng dịp.
  4. Hàng tháng được khuyến khích tiền lương theo thâm niên nghề đối với thợ lò có thời gian công tác từ 03 năm trở lên và tỷ lệ tăng theo số năm công tác, Bình quân chi trả thường xuyên là 1.500.000đ/người/tháng
  5. Thợ lò, cơ điện lò không ở cùng gia đình làm việc đủ từ 21 công -> 24 công/tháng được đăng ký nghỉ làm việc từ 3-5 ngày/tháng để về thăm gia đình ở xa nơi làm việc và được Công ty hỗ trợ tiền xe cho công nhân là: 500.000đ/lần/1 lượt.
  6. Hàng năm công ty chi trả tiền lương khuyến khích an toàn năm cho người lao động theo mức từ 3 -> 5 tháng bình quân tiền lương an toàn hàng tháng, tùy theo mức độ của công việc người lao động thực hiện liên quan đến công tác an toàn.
  7. Các Quý khi phát động người lao động tăng ca tỉ lệ thực hiện ngày công hữu ích phục vụ sản xuất, Công ty xét khuyến khích đối với người lao động là thợ lò, cơ điện lò có ngày công cao từ 1.000.000đ – 2.000.000đ /người/Quý.
  8. Hàng năm Công ty tổ chức đào tạo học liên thông từ sơ cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò lên trung cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò, học ngoài giờ sản xuất, cấp học bổng trong thời gian học lý thuyết mỗi tháng 1.000.000 đ nếu đi học đầy đủ, xuất sắc.
  9. Hàng tháng Công ty xét khuyến khích tiền lương cho công nhân thợ lò, cơ điện lò có bằng trung cấp nghề trở lên mỗi tháng từ 700.000đ - 2.000.000đ.
  10. Công tác khám sức khỏe định kỳ được thực hiện 2 lần/năm đối với Công nhân làm việc nặng nhọc, độc hại
  11. Hàng năm công ty hỗ trợ tiền 2.500.000 đ cho CBCNV toàn Công ty đi nghỉ cuối tuần và hỗ trợ 3.000.000 đ cho kỳ nghỉ cuối năm.
  12. Đối với thợ lò và cơ điện lò có thành tích xuất sắc được Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tuyên dương, được Công ty tổ chức chuyến du lịch từ 5 -> 7 ngày trong và ngoài nước cho công nhân và người thân với mức chi phí từ 18.000.000 đ – 30.000.000 đ.
  13. Thống kê công nhân có thu nhập cao từ năm 2023 đến năm 2025 của Công ty.
    - Năm 2023 Công ty có : 03 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng/người/ năm trở lên
      - : 24 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm
      - : 315 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
      - : 1172 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm trở lên.
    - Năm 2024 Công ty có:



- : 10 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng/người/ năm trở lên
- : 64 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm.
- : 147 thợ lò có tổng thu nhập từ 450 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
- : 351 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <450 triệu đồng/người/ năm.
- : 639 thợ lò có tổng thu nhập từ 350 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm.
- : 566 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng /người/ năm trở lên.

- Năm 2025 Công ty có:

- : 02 thợ lò có tổng thu nhập từ 700 triệu đồng/người/ năm trở lên
- : 08 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng đến <700 triệu đồng/người/ năm.
- : 56 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm.
- : 433 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
- : 586 thợ lò có tổng thu nhập từ 350 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm.
- : 566 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng /người/ năm trở lên.

14. Hàng tháng Công ty hỗ trợ (tiền lương danh nghĩa) như tiền ăn, tắm giặt, đi lại, trang bị BHLĐ, nhà ở...3.500.000đ/người/tháng.

15. Các tổ chức đoàn thể và chuyên môn Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho người lao động: Hội diễn văn nghệ, các giải thể thao bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, bóng bàn, các trò chơi dân gian vào các ngày lễ kỷ niệm của ngành than và đất nước.

16. Hằng năm thợ lò, cơ điện lò tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất được đi thăm quan, nghỉ mát cùng các thành viên trong gia đình từ 3 - 5 ngày, toàn bộ chi phí ăn ở, đi lại... do Công ty chi trả.

**Người lập**



**Phan Thị Hoa**

**TP. TCLĐ-YT**



**Nguyễn Hải Phi**



**Cao Việt Phương**



Số: 1627/XN-VDHC

Quảng Ninh, ngày 28/01/2026

**BẢNG TỔNG HỢP TIỀN LƯƠNG THỰC TẾ HÀNG THÁNG CỦA LAO ĐỘNG THỢ LÒ (THỢ LÒ, CƠ ĐIỆN LÒ)**

Theo Công văn số: 246/CĐTKV-TTTS ngày 15/01/2026 của Trường Cao đẳng Than-Khoáng sản Việt Nam

Tỉnh: Sơn La

TT	Họ Tên	Ngày sinh	Số thẻ	Hộ khẩu	Tháng 10/2025		Tháng 11/2025		Tháng 12/2025		12 tháng/2025		Phân xưởng
					Công	Tiền lương							
1	Đình Văn Quỳnh	10/10/1999	09284	Mường Lang, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La	27	27.425.200	23	26.385.195	20	23.081.600	259	316.616.800	ĐL 5
2	Lò Văn Sương	07/06/1986	09306	Nà Hin, Nà Nghiu, Sông Mã, Sơn La	23	26.067.600	16	20.300.896	20	22.379.600	254	289.437.300	ĐL 5
3	Quảng Văn Tới	10/11/1990	08265	Bản Lầu Ngày, xã Mường Lầm, tỉnh Sơn La	24	24.867.500	18	22.499.519	21	24.172.100	244	337.784.400	KT 10
4	Lò Văn Lâm	03/03/1995	09389	bản Hiên, xã Mường Khiêng, tỉnh Sơn La	22	23.442.200	21	23.569.690	22	24.943.300	254	298.855.600	KT 11
5	Phàng A Cửa	10/08/2001	09390	bản Láy, xã Xuân Nha, tỉnh Sơn La	22	21.212.700	21	24.496.070	21	24.885.600	260	309.383.000	KT 11
6	Phàng A Chua	28/03/2001	09404	bản Tân Hành, xã Chiềng Sơn, tỉnh Sơn La	21	20.330.200	21	21.972.720	16	18.039.400	247	269.541.000	KT 11
7	Ly A Ký	05/11/1996	08871	Phiêng Phớt, Nong Lay, Thuận Châu, Sơn La	17	15.330.000	21	19.206.980	16	15.409.000	218	247.934.100	KT 6
8	Lường Văn Loan	02/06/1997	09178	Bản Pàn Ngựa, xã Tô Múa, tỉnh Sơn La	16	18.351.000	24	23.756.166	19	23.006.600	258	289.103.100	KT 9
9	Giàng Láo Vàng	05/06/1996	08973	Bản Căng Ty, xã Lóng Sập, tỉnh Sơn La	24	22.490.200	21	24.056.640	23	25.386.400	249	295.997.400	ĐL CGĐB
10	Lý A Thái	19/06/1992	08415	Bản Lọng Hòm, xã Phiêng Cầm, tỉnh Sơn La	22	24.814.300	22	20.898.500	20	23.265.800	249	269.943.100	ĐL BCG
11	Lò Văn Toan	26/03/1995	09046	Bản Huổi Nong, xã Chiềng La, tỉnh Sơn La	23	28.664.000	22	21.287.753	24	29.660.000	268	333.376.700	ĐL BCG
12	Quảng Văn Nhất	20/10/1989	08026	Bản Hin pên, Mường Lầm, tỉnh Sơn La	23	25.183.000	26	31.028.557	21	27.971.100	283	370.423.900	ĐL 3
13	Mùi Văn Muôn	27/02/2004	08979	Bản Tàu Dầu, xã Song Khùa, tỉnh Sơn La	23	23.909.200	23	34.199.260	18	28.070.200	241	323.527.900	ĐL 4
14	Lò Văn Tiến	12/02/1995	08583	bản Hiên, xã Mường Khiêng, tỉnh Sơn La	24	30.504.800	21	23.570.280	22	25.578.300	237	287.046.000	ĐL 5
15	Thào A Giàng	04/06/1989	08227	Bản Nạm Giặt, xã Bình Thuận, tỉnh Sơn La	22	18.268.600	17	17.010.200	20	23.034.100	229	253.171.500	KT 1
16	Đình Văn Hè	18/07/1984	08497	Bản Lóng Cửa, xã Song Khùa, Sơn La	25	20.977.000	23	22.430.865	20	24.196.800	270	283.877.200	KT 1
17	Hoàng Văn Sâu	14/04/1985	08782	Bản Ta Khoang, xã Bình Thuận, tỉnh Sơn La	19	15.347.000	21	19.222.106	21	21.209.000	249	252.534.100	KT 1
18	Mùi Văn Kiều	25/08/1994	09021	Bản Tàu Dầu, xã Phong Khùa, tỉnh Sơn La	22	24.189.200	24	25.949.070	18	21.748.300	263	325.623.400	KT 10

**Ghi chú**

Một số chế độ đãi ngộ đã thực hiện đối với thợ lò, cơ điện lò là công nhân của Công ty.

1. Đối với việc ăn ở, đi lại, tắm giặt sau ca làm việc:

+ Công ty thực hiện phục vụ ăn tự chọn miễn phí 100% số người lao động làm việc trong khai trường, đảm bảo chất lượng tốt, đáp ứng tái sản xuất sức khỏe cho người lao động.

Trong đó mức ăn định lượng của thợ lò và những người làm việc trong hầm lò là 65.000 đồng/công (bao gồm cả bữa chính và bữa phụ).

+ Sau ca làm việc, Công nhân làm trong hầm lò được phục vụ: Nhà tắm nước nóng, lạnh. Quần áo, ủng mũ có Bộ phận giặt sấy và xếp gọn vào tủ đồ riêng của từng cá nhân.



Handwritten signature

- + Người lao động đến nơi làm việc và trở về nơi ở được Công ty bố trí xe 45 chỗ đưa đón miễn phí phương tiện đảm bảo An toàn, sạch sẽ, có máy điều hòa nhiệt độ.
  - + Công ty có 02 khu nhà chung cư (Khu 5 tầng và khu 9 tầng) với 156 phòng nghỉ khép kín có đủ các điều kiện cơ bản để sinh hoạt (Giường tủ, bàn ghế, điều hòa nhiệt độ, quạt,...) Khuôn viên kang trang, có các cơ sở phục vụ nhu cầu giải trí như công cụ hỗ trợ tập thể dục và sân Bóng đá, Bóng chuyền, Bi a, bóng bàn phục vụ nhu cầu giải trí.
  - + Công ty tổ chức cấp phát đá viên, viên uống C sủi đầu các ca sản xuất đến tận nhà giao ca của các đơn vị để phục vụ người lao động làm việc trong các tháng mùa hè nóng bức. Công ty thường xuyên cải thiện môi trường làm việc kết hợp trang bị các Phương tiện bảo hộ cá nhân đặc thù nhằm giữ gìn sức khỏe cho người lao động như mặt nạ chống bụi trong hầm lò, áo điều hòa khi làm việc tại các phòng, kho bãi nắng nóng.
2. Trong các dịp tết nguyên đán: Công ty bố trí xe ca đưa đón Công nhân về quê về quê đón tết, và hỗ trợ tiền vé xe đối với các khu vực không bố trí được xe tuyến (do ít người không đủ chuyến, do vị trí di chuyển quá gần).
  3. Các dịp lễ, tết người lao động được nghỉ và hưởng nguyên lương và bổ sung tiền lương theo từng dịp.
  4. Hàng tháng được khuyến khích tiền lương theo thâm niên nghề đối với thợ lò có thời gian công tác từ 03 năm trở lên và tỷ lệ tăng theo số năm công tác, Bình quân chi trả thường xuyên là 1.500.000đ/người/tháng
  5. Thợ lò, cơ điện lò không ở cùng gia đình làm việc đủ từ 21 công -:- 24 công/tháng được đăng ký nghỉ làm việc từ 3-5 ngày/tháng để về thăm gia đình ở xa nơi làm việc và được Công ty hỗ trợ tiền xe cho công nhân là: 500.000đ/lần/1 lượt.
  6. Hàng năm công ty chi trả tiền lương khuyến khích an toàn năm cho người lao động theo mức từ 3 -:- 5 tháng bình quân tiền lương an toàn hàng tháng, tùy theo mức độ của công việc người lao động thực hiện liên quan đến công tác an toàn.
  7. Các Quý khi phát động người lao động tăng cao tỉ lệ thực hiện ngày công hữu ích phục vụ sản xuất, Công ty xét khuyến khích đối với người lao động là thợ lò, cơ điện lò có ngày công cao từ 1.000.000đ – 2.000.000đ /người/Quý.
  8. Hàng năm Công ty tổ chức đào tạo học liên thông từ sơ cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò lên trung cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò, học ngoài giờ sản xuất, cấp học bổng trong thời gian học lý thuyết mỗi tháng 1.000.000 đ nếu đi học đầy đủ, xuất sắc.
  9. Hàng tháng Công ty xét khuyến khích tiền lương cho công nhân thợ lò, cơ điện lò có bằng trung cấp nghề trở lên mỗi tháng từ 700.000đ - 2.000.000đ.
  10. Công tác khám sức khỏe định kỳ được thực hiện 2 lần/năm đối với Công nhân làm việc nặng nhọc, độc hại
  11. Hàng năm công ty hỗ trợ tiền 2.500.000 đ cho CBCNV toàn Công ty đi nghỉ cuối tuần và hỗ trợ 3.000.000 đ cho kỳ nghỉ cuối năm.
  12. Đối với thợ lò và cơ điện lò có thành tích xuất sắc được Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tuyên dương, được Công ty tổ chức chuyến du lịch từ 5 -:-7 ngày trong và ngoài nước cho công nhân và người thân với mức chi phí từ 18.000.000 đ – 30.000.000 đ.
  13. Thống kê công nhân có thu nhập cao từ năm 2023 đến năm 2025 của Công ty.
    - Năm 2023 Công ty có : 03 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng/người/ năm trở lên
      - : 24 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm
      - : 315 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
      - : 1172 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm trở lên.
    - Năm 2024 Công ty có:
      - : 10 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng/người/ năm trở lên



76

- : 64 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm.
- : 147 thợ lò có tổng thu nhập từ 450 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
- : 351 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <450 triệu đồng/người/ năm.
- : 639 thợ lò có tổng thu nhập từ 350 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm.
- : 566 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng /người/ năm trở lên.

- Năm 2025 Công ty có:

- : 02 thợ lò có tổng thu nhập từ 700 triệu đồng/người/ năm trở lên
- : 08 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng đến <700 triệu đồng/người/ năm.
- : 56 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm.
- : 433 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
- : 586 thợ lò có tổng thu nhập từ 350 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm.
- : 566 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng /người/ năm trở lên.

14. Hàng tháng Công ty hỗ trợ (tiền lương danh nghĩa) như tiền ăn, tắm giặt, đi lại, trang bị BHLĐ, nhà ở...3.500.000đ/người/tháng.

15. Các tổ chức đoàn thể và chuyên môn Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho người lao động: Hội diễn văn nghệ, các giải thể thao bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, bóng bàn, các trò chơi dân gian vào các ngày lễ kỷ niệm của ngành than và đất nước.

16. Hàng năm thợ lò, cơ điện lò tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất được đi thăm quan, nghỉ mát cùng các thành viên trong gia đình từ 3 - 5 ngày, toàn bộ chi phí ăn ở, đi lại.. do Công ty chi trả.

**Người lập**

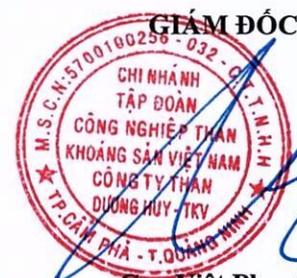


**Phan Thị Hoa**

**TP. TCLĐ-YT**



**Nguyễn Hải Phi**



**Cao Việt Phương**



Số: 1127/XN-VDHC

Quảng Ninh, ngày 28/01/2026

**BẢNG TỔNG HỢP TIỀN LƯƠNG THỰC TẾ HÀNG THÁNG CỦA LAO ĐỘNG THỢ LÒ (THỢ LÒ, CƠ ĐIỆN LÒ)**

Theo Công văn số: 246/CDTKV-TTTS ngày 15/01/2026 của Trường Cao đẳng Than-Khoáng sản Việt Nam

Tỉnh: Thanh Hóa

TT	Họ Tên	Ngày sinh	Số thẻ	Hộ khẩu	Tháng 10/2025		Tháng 11/2025		Tháng 12/2025		12 tháng/2025		Phân xưởng
					Công	Tiền lương							
1	Nguyễn Thanh Tùng	16/01/1994	08960	Thôn Thượng Hòa, xã Trường Văn, Thanh Hóa	25	27.044.200	21	16.161.845	25	29.793.400	266	329.012.100	ĐL BCG
2	Bùi Văn Đại	04/07/1984	09011	thôn Bùi, xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hóa	22	24.542.200	21	24.171.780	17	19.861.700	253	313.792.200	KT 11
3	Đỗ Đông Thành	03/02/1997	07835	Thôn Trung Lập 2, xã Xuân Lập, Thanh Hóa	24	19.508.000	24	20.646.614	25	24.574.000	274	278.752.000	ĐL CGĐB
4	Lưu Văn Hùng	06/04/1980	343	Định Tăng, Yên Định, Thanh Hóa	25	28.135.000	22	24.309.000	21	34.643.600	266	548.644.500	KT 6
5	Lê Khắc Mạnh	11/10/1987	09437	Thôn 8, phường Tân Dân, tỉnh Thanh Hóa	25	32.965.900	22	24.082.793	28	31.746.200	281	347.215.000	ĐL BCG
6	Lê Văn Ót	15/02/1990	09125	Thôn Nghĩa Tươi, xã Giao An, tỉnh Thanh Hóa	23	24.535.200	22	26.708.833	21	30.614.600	263	378.022.300	KT 10
7	Bùi Văn Hào	01/10/1994	08261	Thôn Rộc Môn, xã Mậu Lâm, tỉnh Thanh Hóa	24	23.100.500	23	29.155.020	21	28.122.100	249	281.080.800	KT 9
8	Phạm Văn Thạch	06/07/1985	05722	Bắc Châu, Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa	28	24.916.300	25	23.975.300	24	28.109.400	303	321.538.100	ĐL CGĐB
9	Đình Xuân Tài	27/09/1991	06510	Đông Thắng, phường Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa	25	32.846.600	22	32.543.085	22	37.354.100	276	386.071.400	ĐL 3
10	Nguyễn Văn Sơn	02/08/1988	5744	Đa Tiên, Tượng Văn, Thanh Hóa	25	37.866.100	25	29.815.000	22	34.776.100	296	646.426.916	KT CGH 01
11	Bùi Văn Hoan	06/10/1986	07632	Thôn Ngự Tươi, xã Giao An, tỉnh Thanh Hóa	21	25.410.600	16	18.300.070	21	24.769.700	244	308.441.800	ĐL 3
12	Hồ Viết Cường	20/10/1979	04838	TDP Nam Châu, phường Ngọc Sơn, Thanh Hóa	23	30.452.900	22	35.064.470	22	33.518.200	271	402.281.800	ĐL 4
13	Nguyễn Văn Lăng	27/08/1981	05901	Thôn 4, Xã Yên Trường, tỉnh Thanh Hóa	23	30.976.600	21	24.991.230	22	30.982.100	255	335.971.400	ĐL 5
14	Nguyễn Văn Mạnh	10/02/1992	06783	Đội 2, Thôn Sét, Xã Định Tân, tỉnh Thanh Hóa	23	31.411.300	24	35.310.900	36	36.330.100	281	379.004.000	ĐL 5
15	Trịnh Văn Huy	10/08/1989	05899	Thôn Lâm Quảng, xã Trường Lâm, Thanh Hóa	22	32.085.900	23	35.480.660	24	42.095.600	262	413.098.400	ĐL 6
16	Nguyễn Văn Thành	13/11/1986	05732	Thôn 12, xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa	25	25.265.900	25	36.031.200	22	30.809.100	287	376.640.400	KT 1
17	Lê Trọng Nam	03/11/1979	06117	Đội 4, Xã Yên Trường, tỉnh Thanh Hóa	22	19.993.900	20	18.677.600	22	28.133.100	261	304.937.800	KT 1
18	Quách Văn Cường	20/04/1991	08181	Thôn Cầu Hồ, xã Mậu Lâm, tỉnh Thanh Hóa	23	27.598.000	21	24.173.885	22	25.542.600	257	323.122.900	KT 3
19	Quách Văn Thanh	21/03/1999	7903	Cầu Hồ, Mậu Lâm, Thanh Hóa	24	38.064.800	17	21.442.000	21	35.603.000	222	561.263.116	KT 2
20	Mai Tiến Trúc	06/07/1992	08150	Thành Công, phường Đào Duy Từ, Thanh Hóa	19	27.350.000	23	28.005.080	21	24.100.100	260	353.343.100	KT 5
21	Nguyễn Văn Dũng	04/06/1988	07133	Thôn Xuân Phú, xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hóa	25	28.518.800	24	30.586.260	20	28.820.400	249	330.769.200	KT 6
22	Lê Ngọc Kiên	15/04/1984	05399	TDP Nam Châu, phường Ngọc Sơn, Thanh Hóa	25	25.218.300	23	24.423.995	27	31.682.800	295	315.221.700	ĐL 4
23	Nguyễn Viết Cảnh	10/04/1984	07775	thôn Đồng Tiến, xã Mậu Lâm, tỉnh Thanh Hóa	23	21.630.600	21	21.371.100	22	26.549.900	279	330.853.400	ĐL 4
24	Quách Văn Tăng	15/10/1986	07602	Thôn Cầu Hồ, xã Mậu Lâm, tỉnh Thanh Hóa	23	36.061.300	21	23.766.500	21	33.035.700	262	373.037.800	ĐL 5
25	Bùi Việt Hương	16/09/1993	08938	Thôn Đông Khanh, xã Kim Thanh, Thanh Hóa	24	27.175.900	23	24.585.211	21	26.237.100	256	296.926.200	ĐL 6
26	Trịnh Văn Bộ	10/08/1970	01503	Thôn Kim Sơn, Hoàng Phú, tỉnh Thanh Hóa	18	18.150.000	23	24.938.190	22	26.314.600	280	344.130.500	KT 1



Handwritten signature or mark.

27	Lê Văn Quảng	08/02/1990	07068	xã Hoàng Vinh, huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa	26	38.057.400	21	32.230.055	22	33.513.400	269	449.229.600	KT 10
----	--------------	------------	-------	---	----	------------	----	------------	----	------------	-----	-------------	-------

**Ghi chú**

**Một số chế độ đãi ngộ đã thực hiện đối với thợ lò, cơ điện lò là công nhân của Công ty.**

1. Đối với việc ăn ở, đi lại, tắm giặt sau ca làm việc:

- + Công ty thực hiện phục vụ ăn tự chọn miễn phí 100% số người lao động làm việc trong khai trường, đảm bảo chất lượng tốt, đáp ứng tái sản xuất sức khỏe cho người lao động. Trong đó mức ăn định lượng của thợ lò và những người làm việc trong hầm lò là 65.000 đồng/công (bao gồm cả bữa chính và bữa phụ).
- + Sau ca làm việc, Công nhân làm trong hầm lò được phục vụ: Nhà tắm nước nóng, lạnh. Quần áo, ủng mũ có Bộ phận giặt sấy và xếp gọn vào tủ đồ riêng của từng cá nhân.
- + Người lao động đến nơi làm việc và trở về nơi ở được Công ty bố trí xe 45 chỗ đưa đón miễn phí phương tiện đảm bảo An toàn, sạch sẽ, có máy điều hòa nhiệt độ.
- + Công ty có 02 khu nhà chung cư (Khu 5 tầng và khu 9 tầng) với 156 phòng nghỉ khép kín có đủ các điều kiện cơ bản để sinh hoạt (Giường tủ, bàn ghế, điều hòa nhiệt độ, quạt,...) Khuôn viên khang trang, có các cơ sở phục vụ nhu cầu giải trí như công cụ hỗ trợ tập thể dục và sân Bóng đá, Bóng chuyền, Bi a, bóng bàn phục vụ nhu cầu giải trí.
- + Công ty tổ chức cấp phát đá viên, viên uống C sủi đầu các ca sản xuất đến tận nhà giao ca của các đơn vị để phục vụ người lao động làm việc trong các tháng mùa hè nóng bức. Công ty thường xuyên cải thiện môi trường làm việc kết hợp trang bị các Phương tiện bảo hộ cá nhân đặc thù nhằm giữ gìn sức khỏe cho người lao động như mặt nạ chống bụi trong hầm lò, áo điều hòa khi làm việc tại các phòng, kho bãi nắng nóng.

2. Trong các dịp tết nguyên đán: Công ty bố trí xe ca đưa đón Công nhân về quê về quê đón tết, và hỗ trợ tiền vé xe đối với các khu vực không bố trí được xe tuyến (do ít người không đủ chuyến, do vị trí di chuyển quá gần).

3. Các dịp lễ, tết người lao động được nghỉ và hưởng nguyên lương và bổ sung tiền lương theo từng dịp.

4. Hàng tháng được khuyến khích tiền lương theo thâm niên nghề đối với thợ lò có thời gian công tác từ 03 năm trở lên và tỷ lệ tăng theo số năm công tác, Bình quân chi trả thường xuyên là 1.500.000đ/người/tháng

5. Thợ lò, cơ điện lò không ở cùng gia đình làm việc đủ từ 21 công -:- 24 công/tháng được đăng ký nghỉ làm việc từ 3-5 ngày/tháng để về thăm gia đình ở xa nơi làm việc và được Công ty hỗ trợ tiền xe cho công nhân là: 500.000đ/lần/1 lượt.

6. Hàng năm công ty chi trả tiền lương khuyến khích an toàn năm cho người lao động theo mức từ 3 -:- 5 tháng bình quân tiền lương an toàn hàng tháng, tùy theo mức độ của công việc người lao động thực hiện liên quan đến công tác an toàn.

7. Các Quý khi phát động người lao động tăng cao tỉ lệ thực hiện ngày công hữu ích phục vụ sản xuất, Công ty xét khuyến khích đối với người lao động là thợ lò, cơ điện lò có ngày công cao từ 1.000.000đ – 2.000.000đ /người/Quý.

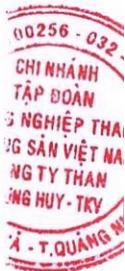
8. Hàng năm Công ty tổ chức đào tạo học liên thông từ sơ cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò lên trung cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò, học ngoài giờ sản xuất, cấp học bổng trong thời gian học lý thuyết mỗi tháng 1.000.000 đ nếu đi học đầy đủ, xuất sắc.

9. Hàng tháng Công ty xét khuyến khích tiền lương cho công nhân thợ lò, cơ điện lò có bằng trung cấp nghề trở lên mỗi tháng từ 700.000đ - 2.000.000đ.

10. Công tác khám sức khỏe định kỳ được thực hiện 2 lần/năm đối với Công nhân làm việc nặng nhọc, độc hại

11. Hàng năm công ty hỗ trợ tiền 2.500.000 đ cho CBCNV toàn Công ty đi nghỉ cuối tuần và hỗ trợ 3.000.000 đ cho kỳ nghỉ cuối năm.

12. Đối với thợ lò và cơ điện lò có thành tích xuất sắc được Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tuyên dương, được Công ty tổ chức chuyến du lịch từ 5 -:-7 ngày trong và ngoài nước cho công nhân và người thân với mức chi phí từ 18.000.000 đ – 30.000.000 đ.



*Handwritten signature or initials in blue ink.*

13. Thống kê công nhân có thu nhập cao từ năm 2023 đến năm 2025 của Công ty.

- Năm 2023 Công ty có : 03 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng/người/ năm trở lên
  - : 24 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm
  - : 315 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
  - : 1172 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm trở lên.
- Năm 2024 Công ty có:
  - : 10 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng/người/ năm trở lên
  - : 64 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm.
  - : 147 thợ lò có tổng thu nhập từ 450 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
  - : 351 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <450 triệu đồng/người/ năm.
  - : 639 thợ lò có tổng thu nhập từ 350 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm.
  - : 566 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng /người/ năm trở lên.
- Năm 2025 Công ty có:
  - : 02 thợ lò có tổng thu nhập từ 700 triệu đồng/người/ năm trở lên
  - : 08 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng đến <700 triệu đồng/người/ năm.
  - : 56 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm.
  - : 433 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
  - : 586 thợ lò có tổng thu nhập từ 350 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm.
  - : 566 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng /người/ năm trở lên.

14. Hàng tháng Công ty hỗ trợ (tiền lương danh nghĩa) như tiền ăn, tắm giặt, đi lại, trang bị BHLĐ, nhà ở...3.500.000đ/người/tháng.

15. Các tổ chức đoàn thể và chuyên môn Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho người lao động: Hội diễn văn nghệ, các giải thể thao bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, bóng bàn, các trò chơi dân gian vào các ngày lễ kỷ niệm của ngành than và đất nước.

16. Hằng năm thợ lò, cơ điện lò tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất được đi thăm quan, nghỉ mát cùng các thành viên trong gia đình từ 3 - 5 ngày, toàn bộ chi phí ăn ở, đi lại.. do Công ty chi trả.

Người lập



Phan Thị Hoa

TP. TCLĐ-YT



Nguyễn Hải Phi

GIÁM ĐỐC



Cao Việt Phương



Số: 127 XN-VDHC

Quảng Ninh, ngày 28/01/2026

**BẢNG TỔNG HỢP TIỀN LƯƠNG THỰC TẾ HÀNG THÁNG CỦA LAO ĐỘNG THỢ LÒ (THỢ LÒ, CƠ ĐIỆN LÒ)**

Theo Công văn số: 246/CĐTKV-TTTS ngày 15/01/2026 của Trường Cao đẳng Than-Khoáng sản Việt Nam

Tỉnh: Nghệ An

TT	Họ Tên	Ngày sinh	Số thẻ	Hộ khẩu	Tháng 10/2025		Tháng 11/2025		Tháng 12/2025		12 tháng/2025		Phân xưởng
					Công	Tiền lương							
1	Cao Xuân Quang	03/04/2004	09133	Xóm Tấn Phú, xã Nghĩa Thọ, tỉnh Nghệ An	27	31.933.700	18	18.183.640	22	23.385.600	273	300.405.200	ĐL 5
2	Nguyễn Văn Anh	18/11/1983	05269	Xóm Đồng Văn, xã Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	26	28.030.200	23	26.140.870	25	28.470.700	273	383.622.600	KT 1
3	Vì Văn Đạt	17/12/1990	07866	bản Nưa, xã Con Cuông, tỉnh Nghệ An	21	19.141.600	21	20.057.820	21	20.791.800	248	261.852.100	KT 4
4	Nguyễn Văn Vinh	24/04/1992	09117	Xóm Tân Hợp, xã Tam Đồng, tỉnh Nghệ An	22	24.945.000	21	19.694.100	21	25.755.700	247	270.390.100	KT 9
5	Vừ Bá Địa	08/09/2001	8743	Bản Huồi Giàng 1, xã Mường Xén, tỉnh nghệ An	24	27.913.000	26	28.616.420	29	34.214.000	303	355.642.000	ĐL 5
6	Nguyễn Hữu Đông	29/06/1996	7618	Xóm 1, xã Đại Đồng, tỉnh Nghệ An	27	28.647.000	24	24.314.720	24	25.568.000	278	306.160.000	ĐL BCG
7	Lương Văn Toàn	08/11/1989	09308	Bản Luông Lạnh, xã Châu Tiến, tỉnh Nghệ An	25	28.458.200	24	26.208.200	21	27.501.900	269	320.107.200	KT 9
8	Lương Văn Hiếm	03/08/1987	09287	Ba Na Mai, xã Tri Lễ, tỉnh Nghệ An	25	28.051.200	24	27.802.190	24	34.221.600	266	333.794.900	ĐL 5
9	Nguyễn Văn Công	24/12/1994	08901	Xóm 12, xã Quỳnh Sơn, tỉnh Nghệ An	24	22.264.200	24	21.830.900	18	23.449.200	269	270.630.900	ĐL 1
10	Chu Văn Tuấn	10/06/1983	05835	Xóm 4, xã Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	26	28.080.300	21	19.555.600	26	36.671.500	286	317.709.900	ĐL 3
11	Nguyễn Khánh Sơn	25/04/1981	05143	Xóm 05, xã Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	27	26.989.800	24	25.162.800	27	27.860.800	301	353.733.200	ĐL 4
12	Nguyễn Thọ Chiến	16/08/1979	08357	Xóm Trung Thuận, xã An Thành, Nghệ An	23	30.141.000	22	27.181.324	22	28.987.600	261	336.827.700	ĐL 5
13	Mai Văn Thắng	08/02/1993	08750	Thôn 8, xã Quỳnh Sơn, tỉnh Nghệ An	26	36.348.200	22	22.655.955	26	35.959.200	274	354.196.500	ĐL 5
14	Hồ Sỹ Sơn	20/02/1986	06498	Khối yên ninh, phường Tân mai, tỉnh Nghệ An	22	27.579.100	22	26.533.039	21	31.345.000	253	374.790.400	ĐL 6
15	Phan Doãn Trinh	06/02/1987	06312	Thôn Chi Hòa, xã Hoa Quân, tỉnh Nghệ An	12	6.640.300	21	24.556.750	15	17.538.800	236	269.574.300	KT 1
16	Nguyễn Đức Thắng	20/09/1988	06333	Xóm Xuân Đường, xã Hùng Châu, tỉnh Nghệ An	24	26.137.600	17	21.544.158	22	25.976.900	261	324.958.200	KT 10
17	Đồng Văn Cường	13/11/1997	07856	Xóm 2, xã Tân Châu, tỉnh Nghệ An	24	28.578.600	24	26.367.395	27	32.395.500	256	372.957.700	KT 10
18	Quang Ngọc Minh	16/08/1994	08678	Tam Liên, xã Tam Quang, tỉnh Nghệ An	24	21.609.000	21	27.076.880	22	23.122.300	258	274.033.600	KT 11
19	Xông Bá Pó	06/04/2002	08822	bản Thăm Hóm, xã Na Ngoi, tỉnh Nghệ An	23	19.362.200	24	26.915.470	24	25.379.200	261	276.764.600	KT 11
20	Nguyễn Thiện Nam	04/06/1993	06869	Xóm 7, xã Thiên Nhẫn, tỉnh Nghệ An	21	22.253.800	21	23.175.030	21	24.425.300	233	338.932.500	KT 2

**Ghi chú**

Một số chế độ đãi ngộ đã thực hiện đối với thợ lò, cơ điện lò là công nhân của Công ty.

1. Đối với việc ăn ở, đi lại, tắm giặt sau ca làm việc:

+ Công ty thực hiện phục vụ ăn tự chọn miễn phí 100% số người lao động làm việc trong khai trường, đảm bảo chất lượng tốt, đáp ứng tái sản xuất sức khỏe cho người lao động.



*[Handwritten signature]*

Trong đó mức ăn định lượng của thợ lò và những người làm việc trong hầm lò là 65.000 đồng/công (bao gồm cả bữa chính và bữa phụ).

+ Sau ca làm việc, Công nhân làm trong hầm lò được phục vụ: Nhà tắm nước nóng, lạnh. Quần áo, ủng mũ có Bộ phận giặt sấy và xếp gọn vào tủ đồ riêng của từng cá nhân.

+ Người lao động đến nơi làm việc và trở về nơi ở được Công ty bố trí xe 45 chỗ đưa đón miễn phí phương tiện đảm bảo An toàn, sạch sẽ, có máy điều hòa nhiệt độ.

+ Công ty có 02 khu nhà chung cư (Khu 5 tầng và khu 9 tầng) với 156 phòng nghỉ khép kín có đủ các điều kiện cơ bản để sinh hoạt (Giường tủ, bàn ghế, điều hòa nhiệt độ, quạt,...)

Khuôn viên kang trang, có các cơ sở phục vụ nhu cầu giải trí như công cụ hỗ trợ tập thể dục và sân Bóng đá, Bóng chuyền, Bi a, bóng bàn phục vụ nhu cầu giải trí.

+ Công ty tổ chức cấp phát đá viên, viên uống C sủi đầu các ca sản xuất đến tận nhà giao ca của các đơn vị để phục vụ người lao động làm việc trong các tháng mùa hè nóng bức.

Công ty thường xuyên cải thiện môi trường làm việc kết hợp trang bị các Phương tiện bảo hộ cá nhân đặc thù nhằm giữ gìn sức khỏe cho người lao động như mặt nạ chống bụi trong hầm lò, áo điều hòa khi làm việc tại các phòng, kho bãi nắng nóng.

2. Trong các dịp tết nguyên đán: Công ty bố trí xe ca đưa đón Công nhân về quê về quê đón tết, và hỗ trợ tiền vé xe đối với các khu vực không bố trí được xe tuyến (do ít người không đủ chuyến, do vị trí di chuyển quá gần).

3. Các dịp lễ, tết người lao động được nghỉ và hưởng nguyên lương và bổ sung tiền lương theo từng dịp.

4. Hàng tháng được khuyến khích tiền lương theo thâm niên nghề đối với thợ lò có thời gian công tác từ 03 năm trở lên và tỷ lệ tăng theo số năm công tác, Bình quân chi trả thường xuyên là 1.500.000đ/người/tháng

5. Thợ lò, cơ điện lò không ở cùng gia đình làm việc đủ từ 21 công -:- 24 công/tháng được đăng ký nghỉ làm việc từ 3-5 ngày/tháng để về thăm gia đình ở xa nơi làm việc và được Công ty hỗ trợ tiền xe cho công nhân là: 500.000đ/lần/1 lượt.

6. Hàng năm công ty chi trả tiền lương khuyến khích an toàn năm cho người lao động theo mức từ 3 -:- 5 tháng bình quân tiền lương an toàn hàng tháng, tùy theo mức độ của công việc người lao động thực hiện liên quan đến công tác an toàn.

7. Các Quý khi phát động người lao động tăng ca tỉ lệ thực hiện ngày công hữu ích phục vụ sản xuất, Công ty xét khuyến khích đối với người lao động là thợ lò, cơ điện lò có ngày công cao từ 1.000.000đ – 2.000.000đ /người/Quý.

8. Hàng năm Công ty tổ chức đào tạo học liên thông từ sơ cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò lên trung cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò, học ngoài giờ sản xuất, cấp học bổng trong thời gian học lý thuyết mỗi tháng 1.000.000 đ nếu đi học đầy đủ, xuất sắc.

9. Hàng tháng Công ty xét khuyến khích tiền lương cho công nhân thợ lò, cơ điện lò có bằng trung cấp nghề trở lên mỗi tháng từ 700.000đ - 2.000.000đ.

10. Công tác khám sức khỏe định kỳ được thực hiện 2 lần/năm đối với Công nhân làm việc nặng nhọc, độc hại

11. Hàng năm công ty hỗ trợ tiền 2.500.000 đ cho CBCNV toàn Công ty đi nghỉ cuối tuần và hỗ trợ 3.000.000 đ cho kỳ nghỉ cuối năm.

12. Đối với thợ lò và cơ điện lò có thành tích xuất sắc được Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tuyên dương, được Công ty tổ chức chuyến du lịch từ 5 -:-7 ngày trong và ngoài nước cho công nhân và người thân với mức chi phí từ 18.000.000 đ – 30.000.000 đ.

13. Thống kê công nhân có thu nhập cao từ năm 2023 đến năm 2025 của Công ty.

- Năm 2023 Công ty có : 03 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng/người/ năm trở lên

: 24 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm

: 315 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.

: 1172 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm trở lên.

- Năm 2024 Công ty có:



- : 10 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng/người/ năm trở lên
- : 64 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm.
- : 147 thợ lò có tổng thu nhập từ 450 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
- : 351 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <450 triệu đồng/người/ năm.
- : 639 thợ lò có tổng thu nhập từ 350 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm.
- : 566 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng /người/ năm trở lên.

- Năm 2025 Công ty có:

- : 02 thợ lò có tổng thu nhập từ 700 triệu đồng/người/ năm trở lên
- : 08 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng đến <700 triệu đồng/người/ năm.
- : 56 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm.
- : 433 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
- : 586 thợ lò có tổng thu nhập từ 350 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm.
- : 566 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng /người/ năm trở lên.

14. Hàng tháng Công ty hỗ trợ (tiền lương danh nghĩa) như tiền ăn, tắm giặt, đi lại, trang bị BHLĐ, nhà ở...3.500.000đ/người/tháng.

15. Các tổ chức đoàn thể và chuyên môn Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho người lao động: Hội diễn văn nghệ, các giải thể thao bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, bóng bàn, các trò chơi dân gian vào các ngày lễ kỷ niệm của ngành than và đất nước.

16. Hằng năm thợ lò, cơ điện lò tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất được đi thăm quan, nghỉ mát cùng các thành viên trong gia đình từ 3 - 5 ngày, toàn bộ chi phí ăn ở, đi lại... do Công ty chi trả.

**Người lập**

**Phan Thị Hoa**

**TP. TCLĐ-YT**

**Nguyễn Hải Phi**

**GIÁM ĐỐC**



**Cao Việt Phương**



Số: 1127/XN-VDHC

Quảng Ninh, ngày 28/01/2026

**BẢNG TỔNG HỢP TIỀN LƯƠNG THỰC TẾ HÀNG THÁNG CỦA LAO ĐỘNG THỢ LÒ (THỢ LÒ, CƠ ĐIỆN LÒ)**

Theo Công văn số: 246/CĐTKV-TTTS ngày 15/01/2026 của Trường Cao đẳng Than-Khoáng sản Việt Nam

Tỉnh: Quảng Ngãi

TT	Họ Tên	Ngày sinh	Số thẻ	Hộ khẩu	Tháng 10/2025		Tháng 11/2025		Tháng 12/2025		12 tháng/2025		Phân xưởng
					Công	Tiền lương							
1	Đình Văn Nhít	16/05/1999	09251	Thôn Mang Trẫy, xã Sơn Tây Hạ, Quảng Ngãi	24	25.650.200	22	21.612.920	22	23.861.200	252	301.341.600	ĐL CGĐB
2	Đình Văn Phít	01/08/1984	08734	Thôn Làng Rê, xã Sơn Kỳ, tỉnh Quảng Ngãi	24	23.703.800	24	26.418.800	21	22.824.000	260	267.409.700	ĐL CGĐB
3	Đình Văn Quỳnh	16/11/1989	09342	Xóm Đồng, Làng Rút, xã Sơn Kỳ, Quảng Ngãi	27	27.425.200	23	26.385.195	20	23.081.600	259	316.616.800	ĐL CGĐB
4	Đình A Khải	19/04/2005	9902303	Thôn Hà Bắc, xã Sơn Phạ, Quảng Ngãi	21	17.673.200	18	13.132.290	18	19.955.300	220	207.950.900	KT 6
5	Đình Văn Lếu	05/07/2002	08738	Thôn Làng Gung, xã Sơn Linh, Quảng Ngãi	22	21.746.300	21	18.182.267	23	23.426.500	244	242.775.400	ĐL BCG
6	Đình Văn Ủa	07/05/1993	08488	Thôn Làng Bung, xã Sơn Kỳ, Quảng Ngãi	25	28.286.000	23	22.084.395	22	24.918.300	253	269.597.100	ĐL 3
7	Đình Văn Nghĩa	01/05/1993	08322	Thôn Láng Trắng, xã Sơn Kỳ, Quảng Ngãi	25	21.922.000	13	12.168.200	20	21.276.600	244	250.807.000	KT 1
8	Đình Văn Dương	18/08/2000	09190	Thôn Nước Lác, xã Sơn Kỳ, tỉnh Quảng Ngãi	27	26.719.200	19	20.773.710	22	27.712.300	268	327.604.000	ĐL CGĐB
9	Đình Văn Thiên	02/02/1984	08341	Thôn Làng Trắng, xã Sơn Kỳ, Quảng Ngãi	24	25.667.800	22	21.702.880	21	25.716.100	243	277.475.400	ĐL 6
10	Đình Văn Siêng	16/10/2003	09183	Làng Bung, xã Sơn Kỳ, tỉnh Quảng Ngãi	22	24.365.600	24	24.625.620	21	27.687.300	263	333.336.000	ĐL 6
11	Đình Minh Hậu	28/04/2005	09202	Thôn Sơn Làng Bun, xã Sơn Ba, Quảng Ngãi	15	14.254.200	21	21.758.920	21	24.137.200	238	310.864.600	ĐL 6
12	Đình Văn Vân	24/10/2000	08529	Thôn Mang Trẫy, xã Sơn Tây Hạ, Quảng Ngãi	24	25.374.000	24	21.325.780	24	28.708.000	252	272.197.000	KT 3
13	Đình Văn Phi	24/08/1988	08870	Thôn Nước bao, xã Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	19	26.711.900	19	23.435.740	21	22.605.000	243	348.491.700	KT 6
14	Đình Văn Sát	15/04/1994	08513	Thôn Ka Khu, xã Sơn Kỳ, tỉnh Quảng Ngãi	7	5.684.200	21	22.465.783	23	26.822.700	223	247.260.400	KT 9
15	Đình Văn Sen	02/07/1991	09395	Thôn Làng Bung, xã Sơn Kỳ, Quảng Ngãi	26	30.857.200	22	23.834.049	23	25.754.600	258	300.373.300	ĐL BCG
16	Đình Văn Sẻ	15/05/2002	09402	Thôn Ka Khu, xã Xuân Kỳ, Quảng Ngãi	22	21.788.200	22	25.999.550	22	23.624.200	264	298.308.100	ĐL CGĐB
17	Đình Văn Bé	08/10/1990	9902127	thôn Làng Rút, xã Sơn Kỳ, Quảng Ngãi	18	21.028.000	16	26.922.000	21	22.698.200	257	342.607.300	ĐL 6
18	Đình Văn Nhu	15/11/1986	9902274	Thôn Làng Trắng, xã Sơn Kỳ, Quảng Ngãi	21	19.048.200	18	21.327.935	22	21.389.200	253	294.615.700	KT 4
19	Đình Văn Tác	15/05/1998	9902313	thôn Mo-o, xã Sơn Kỳ, tỉnh Quảng Ngãi	23	28.020.600	20	23.794.179	20	23.794.179	224	280.095.100	KT 4
20	Đình Văn Ne	02/01/1993	08523	Thôn Làng Bung, xã Sơn Kỳ, Quảng Ngãi	27	31.799.200	24	30.329.470	18	24.998.000	268	326.637.800	KT 9

**Ghi chú**

Một số chế độ đãi ngộ đã thực hiện đối với thợ lò, cơ điện lò là công nhân của Công ty.

1. Đối với việc ăn ở, đi lại, tắm giặt sau ca làm việc:

+ Công ty thực hiện phục vụ ăn tự chọn miễn phí 100% số người lao động làm việc trong khai trường, đảm bảo chất lượng tốt, đáp ứng tái sản xuất sức khỏe cho người lao động.



Trong đó mức ăn định lượng của thợ lò và những người làm việc trong hầm lò là 65.000 đồng/công (bao gồm cả bữa chính và bữa phụ).

- + Sau ca làm việc, Công nhân làm trong hầm lò được phục vụ: Nhà tắm nước nóng, lạnh. Quần áo, ủng mũ có Bộ phận giặt sấy và xếp gọn vào tủ đồ riêng của từng cá nhân.
  - + Người lao động đến nơi làm việc và trở về nơi ở được Công ty bố trí xe 45 chỗ đưa đón miễn phí phương tiện đảm bảo An toàn, sạch sẽ, có máy điều hòa nhiệt độ.
  - + Công ty có 02 khu nhà chung cư (Khu 5 tầng và khu 9 tầng) với 156 phòng nghỉ khép kín có đủ các điều kiện cơ bản để sinh hoạt (Giường tủ, bàn ghế, điều hòa nhiệt độ, quạt,...) Khuôn viên kang trang, có các cơ sở phục vụ nhu cầu giải trí như công cụ hỗ trợ tập thể dục và sân Bóng đá, Bóng chuyền, Bi a, bóng bàn phục vụ nhu cầu giải trí.
  - + Công ty tổ chức cấp phát đá viên, viên uống C sủi đầu các ca sản xuất đến tận nhà giao ca của các đơn vị để phục vụ người lao động làm việc trong các tháng mùa hè nóng bức.
- Công ty thường xuyên cải thiện môi trường làm việc kết hợp trang bị các Phương tiện bảo hộ cá nhân đặc thù nhằm giữ gìn sức khỏe cho người lao động như mặt nạ chống bụi trong hầm lò, áo điều hòa khi làm việc tại các phòng, kho bãi nắng nóng.

- Trong các dịp tết nguyên đán: Công ty bố trí xe ca đưa đón Công nhân về quê về quê đón tết, và hỗ trợ tiền vé xe đối với các khu vực không bố trí được xe tuyến (do ít người không đủ chuyến, do vị trí di chuyển quá gần).
- Các dịp lễ, tết người lao động được nghỉ và hưởng nguyên lương và bổ sung tiền lương theo từng dịp.
- Hàng tháng được khuyến khích tiền lương theo thâm niên nghề đối với thợ lò có thời gian công tác từ 03 năm trở lên và tỷ lệ tăng theo số năm công tác, Bình quân chi trả thường xuyên là 1.500.000đ/người/tháng
- Thợ lò, cơ điện lò không ở cùng gia đình làm việc đủ từ 21 công -:- 24 công/tháng được đăng ký nghỉ làm việc từ 3-5 ngày/tháng để về thăm gia đình ở xa nơi làm việc và được Công ty hỗ trợ tiền xe cho công nhân là: 500.000đ/lần/1 lượt.
- Hàng năm công ty chi trả tiền lương khuyến khích an toàn năm cho người lao động theo mức từ 3 -:- 5 tháng bình quân tiền lương an toàn hàng tháng, tùy theo mức độ của công việc người lao động thực hiện liên quan đến công tác an toàn.
- Các Quý khi phát động người lao động tăng cao tỉ lệ thực hiện ngày công hữu ích phục vụ sản xuất, Công ty xét khuyến khích đối với người lao động là thợ lò, cơ điện lò có ngày công cao từ 1.000.000đ – 2.000.000đ /người/Quý.
- Hàng năm Công ty tổ chức đào tạo học liên thông từ sơ cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò lên trung cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò, học ngoài giờ sản xuất, cấp học bổng trong thời gian học lý thuyết mỗi tháng 1.000.000 đ nếu đi học đầy đủ, xuất sắc.
- Hàng tháng Công ty xét khuyến khích tiền lương cho công nhân thợ lò, cơ điện lò có bằng trung cấp nghề trở lên mỗi tháng từ 700.000đ - 2.000.000đ.
- Công tác khám sức khỏe định kỳ được thực hiện 2 lần/năm đối với Công nhân làm việc nặng nhọc, độc hại
- Hàng năm công ty hỗ trợ tiền 2.500.000 đ cho CBCNV toàn Công ty đi nghỉ cuối tuần và hỗ trợ 3.000.000 đ cho kỳ nghỉ cuối năm.
- Đối với thợ lò và cơ điện lò có thành tích xuất sắc được Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tuyên dương, được Công ty tổ chức chuyến du lịch từ 5 -:-7 ngày trong và ngoài nước cho công nhân và người thân với mức chi phí từ 18.000.000 đ – 30.000.000 đ.
- Thống kê công nhân có thu nhập cao từ năm 2023 đến năm 2025 của Công ty.
  - Năm 2023 Công ty có : 03 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng/người/ năm trở lên
    - : 24 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm
    - : 315 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
    - : 1172 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm trở lên.
  - Năm 2024 Công ty có:



- : 10 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng/người/ năm trở lên
- : 64 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm.
- : 147 thợ lò có tổng thu nhập từ 450 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
- : 351 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <450 triệu đồng/người/ năm.
- : 639 thợ lò có tổng thu nhập từ 350 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm.
- : 566 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng /người/ năm trở lên.

- Năm 2025 Công ty có:

- : 02 thợ lò có tổng thu nhập từ 700 triệu đồng/người/ năm trở lên
- : 08 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng đến <700 triệu đồng/người/ năm.
- : 56 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm.
- : 433 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
- : 586 thợ lò có tổng thu nhập từ 350 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm.
- : 566 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng /người/ năm trở lên.

14. Hàng tháng Công ty hỗ trợ (tiền lương danh nghĩa) như tiền ăn, tắm giặt, đi lại, trang bị BHLĐ, nhà ở...3.500.000đ/người/tháng.

15. Các tổ chức đoàn thể và chuyên môn Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho người lao động: Hội diễn văn nghệ, các giải thể thao bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, bóng bàn, các trò chơi dân gian vào các ngày lễ kỷ niệm của ngành than và đất nước.

16. Hằng năm thợ lò, cơ điện lò tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất được đi thăm quan, nghỉ mát cùng các thành viên trong gia đình từ 3 - 5 ngày, toàn bộ chi phí ăn ở, đi lại.. do Công ty chi trả.

**Người lập**

**Phan Thị Hoa**

**TP. TCLĐ-YT**

**Nguyễn Hải Phi**



**Cao Việt Phương**



**BẢNG TỔNG HỢP TIỀN LƯƠNG THỰC TẾ HÀNG THÁNG CỦA LAO ĐỘNG THỢ LÒ (THỢ LÒ, CƠ ĐIỆN LÒ)**

Theo Công văn số: 246/CĐTKV-TTTS ngày 15/01/2026 của Trường Cao đẳng Than-Khoáng sản Việt Nam

Tỉnh: Lai Châu

TT	Họ Tên	Ngày sinh	Số thẻ	Hộ khẩu	Tháng 10/2025		Tháng 11/2025		Tháng 12/2025		12 tháng/2025		Phân xưởng
					Công	Tiền lương							
1	Chang A Tuấn	08/05/1999	08130	Bản Sáo Lèn, xã Khổng Lào, tỉnh Lai Châu	24	24.306.200	12	11.487.516	27	25.947.200	273	280.258.100	KT 10
2	Tráng A Sừ	19/02/2001	09289	Điểm Cu Ma Cao, xã Mù Cà, tỉnh Lai Châu	22	22.027.200	21	20.585.990	21	27.609.900	243	277.931.100	ĐL 3
3	Giàng A Sinh	13/01/1997	08285	Bản Cao Chải, xã Tà Tông, tỉnh Lai Châu	23	20.829.300	14	11.733.000	23	23.956.500	249	319.078.100	KT 1
4	Phản Tà Piêu	04/03/1998	09354	Bản Sáo Lèn, xã Khổng Lào, tỉnh Lai Châu	17	15.726.200	21	16.716.080	20	20.333.600	234	272.611.100	KT 10
5	Thào A Nhà	18/02/2001	08988	bản Suối Thần, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu	17	16.599.600	25	24.388.200	21	24.339.900	244	284.891.000	KT 11
6	Thào A Lìa	21/03/2001	09207	Làng Sàng, Hồng Thu, Sin Hồ, Lai Châu	12	14.181.600	21	19.285.732	21	20.767.200	240	269.890.600	KT 11
8	Lù A Chổng	12/01/1995	09245	Bản Cam Hồ, xã Khum Há, tỉnh Lai Châu	13	14.781.300	21	22.980.990	23	23.089.200	251	305.932.300	KT 3
9	Lò Văn Liên	08/06/1986	09246	Bản Phiêng Tiền, xã Bản Bo, tỉnh Lai Châu	25	25.565.200	21	23.514.600	21	24.672.300	267	280.814.300	KT 3
10	Tần A Xénh	17/11/1993	09047	bản Sảng Tăng Ngai, xã Sin Hồ, tỉnh Lai Châu	21	21.308.000	8	13.946.000	22	25.125.900	198	235.424.500	KT 9
11	Lò Văn Phan	01/03/1988	08010	Bản Hào Nghé, xã Mường Khoa, tỉnh Lai Châu	28	27.727.500	23	20.966.200	22	26.974.600	278	327.192.600	ĐL CGĐB
12	Cứ A Lử	06/09/1998	08015	Bản Ngải Thầu Cao, xã Khum Há, tỉnh Lai Châu	18	23.248.100	21	21.143.300	26	30.102.500	255	324.936.300	ĐL CGĐB
13	Tần Diểu Khin	26/06/1996	08700	Bản Tà Phùng, xã Sì Lờ Lầu, tỉnh Lai Châu	26	30.789.200	17	21.676.185	26	30.381.200	272	310.059.300	ĐL BCG
14	Ma A Lệnh	09/05/1994	08645	Bản Sin Chải, xã Đào San, tỉnh Lai Châu	26	26.627.200	22	27.369.875	21	27.969.000	249	307.050.600	ĐL 4
15	Hoàng Văn May	28/02/1990	08072	Xã Trung Đồng, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu	26	29.466.500	22	24.523.325	23	32.115.000	289	324.477.200	ĐL 5
16	Nguyễn Văn Diện	10/10/1992	08759	Bản Mường 2, xã Mường Kim, tỉnh Lai Châu	28	33.063.000	24	25.573.827	29	32.898.000	300	336.632.000	ĐL 5
17	Tráng A Phái	30/09/1996	08947	Bản Khâu, xã Pắc Ta, tỉnh Lai Châu	26	32.802.200	21	27.101.400	21	25.251.000	259	331.728.100	ĐL 5
18	Lò Văn Sơn	10/06/1988	08014	Bản Nậm Đích, xã Khum Há, tỉnh Lai Châu	24	24.962.500	22	27.003.810	21	24.485.100	253	315.386.500	ĐL 6
19	Vân Văn Sơn	01/08/1988	08881	Bản Nà Phát, xã Bình Lư, tỉnh Lai Châu	19	24.013.000	23	22.361.700	25	28.445.000	263	313.321.200	KT 2
20	Lý A Dao	28/10/1995	8646	Sàng Sang, Dao San, Lai Châu	27	29.576.200	22	27.066.075	26	33.717.200	271	424.834.716	ĐL 6

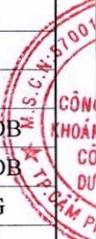
**Ghi chú**

Một số chế độ đãi ngộ đã thực hiện đối với thợ lò, cơ điện lò là công nhân của Công ty.

1. Đối với việc ăn ở, đi lại, tắm giặt sau ca làm việc:

+ Công ty thực hiện phục vụ ăn tự chọn miễn phí 100% số người lao động làm việc trong khai trường, đảm bảo chất lượng tốt, đáp ứng tái sản xuất sức khỏe cho người lao động. Trong đó mức ăn định lượng của thợ lò và những người làm việc trong hầm lò là 65.000 đồng/công (bao gồm cả bữa chính và bữa phụ).

+ Sau ca làm việc, Công nhân làm trong hầm lò được phục vụ: Nhà tắm nước nóng, lạnh. Quần áo, ủng mũ có Bộ phận giặt sấy và xếp gọn vào tủ đồ riêng của từng cá nhân.



Handwritten signature or mark.

+ Người lao động đến nơi làm việc và trở về nơi ở được Công ty bố trí xe 45 chỗ đưa đón miễn phí phương tiện đảm bảo An toàn, sạch sẽ, có máy điều hòa nhiệt độ.  
+ Công ty có 02 khu nhà chung cư (Khu 5 tầng và khu 9 tầng) với 156 phòng nghỉ khép kín có đủ các điều kiện cơ bản để sinh hoạt (Giường tủ, bàn ghế, điều hòa nhiệt độ, quạt,...) Khuôn viên khang trang, có các cơ sở phục vụ nhu cầu giải trí như công cụ hỗ trợ tập thể dục và sân Bóng đá, Bóng chuyền, Bida, bóng bàn phục vụ nhu cầu giải trí.  
+ Công ty tổ chức cấp phát đá viên, viên uống C sủi đầu các ca sản xuất đến tận nhà giao ca của các đơn vị để phục vụ người lao động làm việc trong các tháng mùa hè nóng bức. Công ty thường xuyên cải thiện môi trường làm việc kết hợp trang bị các Phương tiện bảo hộ cá nhân đặc thù nhằm giữ gìn sức khỏe cho người lao động như mặt nạ chống bụi trong hầm lò, áo điều hòa khi làm việc tại các phòng, kho bãi nắng nóng.

2. Trong các dịp tết nguyên đán: Công ty bố trí xe ca đưa đón Công nhân về quê về quê đón tết, và hỗ trợ tiền vé xe đối với các khu vực không bố trí được xe tuyến (do ít người không đủ chuyến, do vị trí di chuyển quá gần).
3. Các dịp lễ, tết người lao động được nghỉ và hưởng nguyên lương và bổ sung tiền lương theo từng dịp.
4. Hàng tháng được khuyến khích tiền lương theo thâm niên nghề đối với thợ lò có thời gian công tác từ 03 năm trở lên và tỷ lệ tăng theo số năm công tác, Bình quân chi trả thường xuyên là 1.500.000đ/người/tháng
5. Thợ lò, cơ điện lò không ở cùng gia đình làm việc đủ từ 21 công -:- 24 công/tháng được đăng ký nghỉ làm việc từ 3-5 ngày/tháng để về thăm gia đình ở xa nơi làm việc và được Công ty hỗ trợ tiền xe cho công nhân là: 500.000đ/lần/1 lượt.
6. Hàng năm công ty chi trả tiền lương khuyến khích an toàn năm cho người lao động theo mức từ 3 -:- 5 tháng bình quân tiền lương an toàn hàng tháng, tùy theo mức độ của công việc người lao động thực hiện liên quan đến công tác an toàn.
7. Các Quý khi phát động người lao động tăng cao tỉ lệ thực hiện ngày công hữu ích phục vụ sản xuất, Công ty xét khuyến khích đối với người lao động là thợ lò, cơ điện lò có ngày công cao từ 1.000.000đ – 2.000.000đ /người/Quý.
8. Hàng năm Công ty tổ chức đào tạo học liên thông từ sơ cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò lên trung cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò, học ngoài giờ sản xuất, cấp học bổng trong thời gian học lý thuyết mỗi tháng 1.000.000 đ nếu đi học đầy đủ, xuất sắc.
9. Hàng tháng Công ty xét khuyến khích tiền lương cho công nhân thợ lò, cơ điện lò có bằng trung cấp nghề trở lên mỗi tháng từ 700.000đ - 2.000.000đ.
10. Công tác khám sức khỏe định kỳ được thực hiện 2 lần/năm đối với Công nhân làm việc nặng nhọc, độc hại
11. Hàng năm công ty hỗ trợ tiền 2.500.000 đ cho CBCNV toàn Công ty đi nghỉ cuối tuần và hỗ trợ 3.000.000 đ cho kỳ nghỉ cuối năm.
12. Đối với thợ lò và cơ điện lò có thành tích xuất sắc được Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tuyên dương, được Công ty tổ chức chuyến du lịch từ 5 -:-7 ngày trong và ngoài nước cho công nhân và người thân với mức chi phí từ 18.000.000 đ – 30.000.000 đ.
13. Thống kê công nhân có thu nhập cao từ năm 2023 đến năm 2025 của Công ty.
  - Năm 2023 Công ty có : 03 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng/người/ năm trở lên
    - : 24 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm
    - : 315 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
    - : 1172 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm trở lên.
  - Năm 2024 Công ty có:
    - : 10 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng/người/ năm trở lên



Handwritten signature or initials in blue ink.

- : 64 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm.
- : 147 thợ lò có tổng thu nhập từ 450 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
- : 351 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <450 triệu đồng/người/ năm.
- : 639 thợ lò có tổng thu nhập từ 350 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm.
- : 566 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng /người/ năm trở lên.

- Năm 2025 Công ty có:

- : 02 thợ lò có tổng thu nhập từ 700 triệu đồng/người/ năm trở lên
- : 08 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng đến <700 triệu đồng/người/ năm.
- : 56 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm.
- : 433 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
- : 586 thợ lò có tổng thu nhập từ 350 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm.
- : 566 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng /người/ năm trở lên.

14. Hàng tháng Công ty hỗ trợ (tiền lương danh nghĩa) như tiền ăn, tắm giặt, đi lại, trang bị BHLĐ, nhà ở...3.500.000đ/người/tháng.

15. Các tổ chức đoàn thể và chuyên môn Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho người lao động: Hội diễn văn nghệ, các giải thể thao bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, bóng bàn, các trò chơi dân gian vào các ngày lễ kỷ niệm của ngành than và đất nước.

16. Hằng năm thợ lò, cơ điện lò tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất được đi thăm quan, nghỉ mát cùng các thành viên trong gia đình từ 3 - 5 ngày, toàn bộ chi phí ăn ở, đi lại... do Công ty chi trả.

**Người lập**



**Phan Thị Hoa**

**TP. TCLĐ-YT**



**Nguyễn Hải Phi**

**GIÁM ĐỐC**  
CHI NHÁNH  
TẬP ĐOÀN  
CÔNG NGHIỆP THAN  
KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
CÔNG TY THAN  
DƯƠNG HUY - TKV  
TP. CẨM PHẢ - T. QUẢNG NINH



**Cao Việt Phương**

C. T. T. N. H. H.  
AN  
I AM  
MINH

Số: 1127/XN-VDHC

Quảng Ninh, ngày 28/01/2026

**BẢNG TỔNG HỢP TIỀN LƯƠNG THỰC TẾ HÀNG THÁNG CỦA LAO ĐỘNG THỢ LÒ (THỢ LÒ, CƠ ĐIỆN LÒ)**

Theo Công văn số: 246/CĐTKV-TTTS ngày 15/01/2026 của Trường Cao đẳng Than-Khoáng sản Việt Nam

Tỉnh: Lai Châu ( xã Khun Há)

TT	Họ Tên	Ngày sinh	Số thẻ	Hộ khẩu	Tháng 10/2025		Tháng 11/2025		Tháng 12/2025		12 tháng/2025		Phân xưởng
					Công	Tiền lương							
1	Lò Văn Sơn	10/06/1988	08014	Bản Nậm Đích, xã Khun Há, tỉnh Lai Châu	24	24.962.500	22	27.003.810	21	24.485.100	253	315.386.500	PX CGĐB
2	Cứ A Lữ	06/09/1998	08015	Bản Ngòi Thầu Cao, xã Khun Há, tỉnh Lai Châu	18	23.248.100	21	21.143.300	26	30.102.500	255	324.936.300	PX CGĐB
3	Giàng A Thanh	10/06/2001	08863	Bản Chu va 8, xã Bình Lư, tỉnh Lai Châu	26	26.539.200	21	24.361.350	20	24.689.100	254	301.341.500	ĐL 1
4	Cứ A Tu	14/12/2003	9504	Bản Ma Sao Phìn Cao, xã Khun Há, tỉnh Lai Châu	22	27.770.200	21	22.910.070	23	26.684.900	274	343.956.100	KT 5
5	Sùng A Giàng	06/02/1991	9902419	Bản Ma Sao Phìn, xã Khun Há, tỉnh Lai Châu	24	27.540.200	19	15.889.795	19	18.240.200	225	251.118.500	ĐL 6
6	Cứ A Mang	10/04/1998	9902454	Bản Ma Sao Phìn, xã Khun Há, tỉnh Lai Châu	23	24.931.000	16	11.578.300	21	19.298.000	139	127.927.000	KT 5
7	Sùng A Phừ	04/07/2002	9573	Bản Ma Sao Phìn, xã Khun Há, tỉnh Lai Châu	21	34.817.300	21	22.832.670	21	26.786.300	268	338.428.800	ĐL 5
8	Lù A Hồ	05/08/1998	9902453	Bản Sần Phàng Thấp, xã Khun Há, tỉnh Lai Châu	23	27.067.000	18	12.751.000	21	18.746.000	140	117.431.000	KT 5
9	Lù A Sênh	12/11/1996	9549	Bản Sần Phàng Thấp, xã Khun Há, tỉnh Lai Châu	22	21.577.200	22	24.024.140	21	26.298.600	274	300.433.300	KT 9
10	Cứ A Phừ	20/11/1999	9547	Bản Sần Phàng Thấp, xã Khun Há, tỉnh Lai Châu	22	24.177.900	22	23.996.900	20	22.597.600	274	307.469.100	ĐL 1
11	Lù A Thanh	11/06/1998	9902450	Bản Sần Phàng Thấp, xã Khun Há, tỉnh Lai Châu	17	13.897.000	21	16.777.800	19	16.264.000	127	112.696.000	KT 5
12	Lù Asừ	11/10/1996	9550	Bản Sần Phàng Thấp, xã Khun Há, tỉnh Lai Châu	18	19.867.300	22	24.906.200	22	22.255.200	260	300.131.400	KT 2
13	Lù A Su	27/03/1993	9546	Bản Sần Phàng Thấp, xã Khun Há, tỉnh Lai Châu	21	23.360.300	23	23.924.500	23	24.831.500	278	297.272.800	ĐL 1
14	Hàng A Sênh	06/07/2024	9902471	Bản Thèn Thầu, xã Khun Há, tỉnh Lai Châu	22	21.166.000	21	19.942.700	20	20.339.000	133	114.149.000	PX CGĐB
15	Giàng A Câu	05/05/2003	8438	Bản Suối Thầu, xã Bản Giang, tỉnh Lai Châu	22	21.166.000	21	24.022.650	21	22.547.000	235	289.132.300	KT 10

**Ghi chú**

Một số chế độ đãi ngộ đã thực hiện đối với thợ lò, cơ điện lò là công nhân của Công ty.

1. Đối với việc ăn ở, đi lại, tắm giặt sau ca làm việc:

+ Công ty thực hiện phục vụ ăn tự chọn miễn phí 100% số người lao động làm việc trong khai trường, đảm bảo chất lượng tốt, đáp ứng tái sản xuất sức khỏe cho người lao động. Trong đó mức ăn định lượng của thợ lò và những người làm việc trong hầm lò là 65.000 đồng/công (bao gồm cả bữa chính và bữa phụ).

+ Sau ca làm việc, Công nhân làm trong hầm lò được phục vụ: Nhà tắm nước nóng, lạnh. Quần áo, ủng mũ có Bộ phận giặt sấy và xếp gọn vào tủ đồ riêng của từng cá nhân.

+ Người lao động đến nơi làm việc và trở về nơi ở được Công ty bố trí xe 45 chỗ đưa đón miễn phí phương tiện đảm bảo An toàn, sạch sẽ, có máy điều hòa nhiệt độ.

+ Công ty có 02 khu nhà chung cư (Khu 5 tầng và khu 9 tầng) với 156 phòng nghỉ khép kín có đủ các điều kiện cơ bản để sinh hoạt (Giường tủ, bàn ghế, điều hòa nhiệt độ, quạt,...)

Khuôn viên khang trang, có các cơ sở phục vụ nhu cầu giải trí như công cụ hỗ trợ tập thể dục và sân Bóng đá, Bóng chuyền, Bi a, bóng bàn phục vụ nhu cầu giải trí.



Handwritten signature or mark.

- + Công ty tổ chức cấp phát đá viên, viên uống C sủi đầu các ca sản xuất đến tận nhà giao ca của các đơn vị để phục vụ người lao động làm việc trong các tháng mùa hè nóng bức. Công ty thường xuyên cải thiện môi trường làm việc kết hợp trang bị các Phương tiện bảo hộ cá nhân đặc thù nhằm giữ gìn sức khỏe cho người lao động như mặt nạ chống bụi trong hầm lò, áo điều hòa khi làm việc tại các phòng, kho bãi nắng nóng.
2. Trong các dịp tết nguyên đán: Công ty bố trí xe ca đưa đón Công nhân về quê về quê đón tết, và hỗ trợ tiền vé xe đối với các khu vực không bố trí được xe tuyến (do ít người không đủ chuyến, do vị trí di chuyển quá gần).
  3. Các dịp lễ, tết người lao động được nghỉ và hưởng nguyên lương và bổ sung tiền lương theo từng dịp.
  4. Hàng tháng được khuyến khích tiền lương theo thâm niên nghề đối với thợ lò có thời gian công tác từ 03 năm trở lên và tỷ lệ tăng theo số năm công tác, Bình quân chi trả thường xuyên là 1.500.000đ/người/tháng
  5. Thợ lò, cơ điện lò không ở cùng gia đình làm việc đủ từ 21 công -:- 24 công/tháng được đăng ký nghỉ làm việc từ 3-5 ngày/tháng để về thăm gia đình ở xa nơi làm việc và được Công ty hỗ trợ tiền xe cho công nhân là: 500.000đ/lần/1 lượt.
  6. Hàng năm công ty chi trả tiền lương khuyến khích an toàn năm cho người lao động theo mức từ 3 -:- 5 tháng bình quân tiền lương an toàn hàng tháng, tùy theo mức độ của công việc người lao động thực hiện liên quan đến công tác an toàn.
  7. Các Quý khi phát động người lao động tăng cao tỉ lệ thực hiện ngày công hữu ích phục vụ sản xuất, Công ty xét khuyến khích đối với người lao động là thợ lò, cơ điện lò có ngày công cao từ 1.000.000đ – 2.000.000đ /người/Quý.
  8. Hàng năm Công ty tổ chức đào tạo học liên thông từ sơ cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò lên trung cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò, học ngoài giờ sản xuất, cấp học bổng trong thời gian học lý thuyết mỗi tháng 1.000.000 đ nếu đi học đầy đủ, xuất sắc.
  9. Hàng tháng Công ty xét khuyến khích tiền lương cho công nhân thợ lò, cơ điện lò có bằng trung cấp nghề trở lên mỗi tháng từ 700.000đ - 2.000.000đ.
  10. Công tác khám sức khỏe định kỳ được thực hiện 2 lần/năm đối với Công nhân làm việc nặng nhọc, độc hại
  11. Hàng năm công ty hỗ trợ tiền 2.500.000 đ cho CBCNV toàn Công ty đi nghỉ cuối tuần và hỗ trợ 3.000.000 đ cho kỳ nghỉ cuối năm.
  12. Đối với thợ lò và cơ điện lò có thành tích xuất sắc được Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tuyên dương, được Công ty tổ chức chuyến du lịch từ 5 -:-7 ngày trong và ngoài nước cho công nhân và người thân với mức chi phí từ 18.000.000 đ – 30.000.000 đ.
  13. Thống kê công nhân có thu nhập cao từ năm 2023 đến năm 2025 của Công ty.
    - Năm 2023 Công ty có : 03 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng/người/ năm trở lên
      - : 24 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm
      - : 315 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
      - : 1172 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm trở lên.
    - Năm 2024 Công ty có:
      - : 10 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng/người/ năm trở lên
      - : 64 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm.
      - : 147 thợ lò có tổng thu nhập từ 450 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
      - : 351 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <450 triệu đồng/người/ năm.



Handwritten signature or initials in blue ink.

: 639 thợ lò có tổng thu nhập từ 350 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm.

: 566 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng /người/ năm trở lên.

- Năm 2025 Công ty có:

: 02 thợ lò có tổng thu nhập từ 700 triệu đồng/người/ năm trở lên

: 08 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng đến <700 triệu đồng/người/ năm.

: 56 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm.

: 433 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.

: 586 thợ lò có tổng thu nhập từ 350 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm.

: 566 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng /người/ năm trở lên.

14. Hàng tháng Công ty hỗ trợ (tiền lương danh nghĩa) như tiền ăn, tắm giặt, đi lại, trang bị BHLĐ, nhà ở...3.500.000đ/người/tháng.

15. Các tổ chức đoàn thể và chuyên môn Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho người lao động: Hội diễn văn nghệ, các giải thể thao bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, bóng bàn, các trò chơi dân gian vào các ngày lễ kỷ niệm của ngành than và đất nước.

16. Hằng năm thợ lò, cơ điện lò tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất được đi thăm quan, nghỉ mát cùng các thành viên trong gia đình từ 3 - 5 ngày, toàn bộ chi phí ăn ở, đi lại.. do Công ty chi trả.

Người lập

Phan Thị Hoa

TP. TCLĐ-YT

Nguyễn Hải Phi

GIÁM ĐỐC



Cao Việt Phương



Số: 1127/XN-VDHC

Quảng Ninh, ngày 28/01/2026

**BẢNG TỔNG HỢP TIỀN LƯƠNG THỰC TẾ HÀNG THÁNG CỦA LAO ĐỘNG THỢ LÒ (THỢ LÒ, CƠ ĐIỆN LÒ)**

Theo Công văn số: 246/CDTKV -TTTS ngày 15/01/2026 của Trường Cao đẳng Than-Khoáng sản Việt Nam

Tỉnh: Điện Biên

TT	Họ Tên	Ngày sinh	Số thẻ	Hộ khẩu	Tháng 10/2025		Tháng 11/2025		Tháng 12/2025		12 tháng/2025		Phân xưởng
					Công	Tiền lương							
1	Ma A Lành	18/07/1991	08241	bản Nậm Nhừ 2, xã Nà Hùng, tỉnh Điện Biên	26	26.627.200	22	27.369.875	21	27.969.000	249	307.050.600	KT 4
2	Thào A Nhè	07/03/1996	07703	Tùa Chùa, Mường Bàng, tỉnh Điện Biên	23	26.203.300	22	25.132.600	21	27.069.400	241	301.869.400	KT 9
3	Lò Văn Chủ	12/07/1996	08978	Bản Lịch Nam, xã Mường lao, tỉnh Điện Biên	22	27.619.200	21	24.181.320	21	24.436.900	244	314.582.100	ĐL 6
4	Thào A Linh	17/03/1995	08143	Bản Nậm Nhừ, xã Nà Hù, tỉnh Điện Biên	19	29.160.000	19	19.961.200	21	21.823.000	208	268.600.800	KT 10
5	Giàng A Tàng	01/11/2004	09292	bản Huổi Thanh 2, xã Nậm Kè, tỉnh Điện Biên	23	21.712.300	23	24.100.125	19	23.464.900	248	264.846.800	KT 11
6	Cư Seo Páo	10/12/2000	08173	Bản Huổi Đáp, xã Nà Hỳ, tỉnh Điện Biên	22	20.671.600	22	21.311.120	22	25.392.600	262	314.132.500	KT 2
7	Cư Seo Chính	28/08/1996	08174	Bản Huổi Đáp, xã Nà Hỳ, tỉnh Điện Biên	26	24.882.500	24	22.733.515	16	20.446.000	266	319.051.000	KT 2
8	Cứ A Lừ	19/06/1994	08301	Chuyên Gia III, xã Nậm Kè, tỉnh Điện Biên	26	25.438.200	22	23.062.800	22	24.724.600	276	340.365.500	KT 2
9	Lò Văn Tiệp	01/03/1996	08659	Bản Co Sắn, xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	23	31.292.500	21	18.234.200	22	23.868.300	256	329.818.900	KT 2
10	Thào A Thắng	01/01/1999	08857	Bản Phình Cứ, xã Pú Nhung, tỉnh Điện Biên	22	21.609.800	21	18.207.657	20	22.075.500	257	298.166.700	KT 2
11	Giàng A Lừ	01/02/1992	09030	Thôn Hồng Ngải, xã Tùa Thắng, tỉnh Điện Biên	23	20.516.200	21	18.643.200	23	24.678.600	256	293.926.100	KT 2
12	Lý A Lâu	13/08/1993	08179	Bản Nậm Chấn, xã Quảng Lâm, tỉnh Điện Biên	26	24.068.500	24	28.976.700	23	28.982.000	264	299.279.000	KT 3
13	Sùng A Tàng	09/02/1996	08058	Thôn Tùa Thàng, xã Tùa Thông, tỉnh Điện Biên	24	24.117.500	21	22.102.300	16	16.592.000	245	286.686.800	KT 4
14	Giàng A Chu	14/02/2000	09120	Bản Pá Kha, xã Nà Bùng, tỉnh Điện Biên	27	30.893.500	17	16.096.079	24	32.417.200	274	355.640.500	KT 5
15	Giàng A Lừ	13/02/1997	09302	Thôn Hồng Ngải, xã Tùa Thàng, tỉnh Điện Biên	24	22.180.200	22	22.003.490	21	24.360.300	260	292.324.900	KT 6
16	Lý A Mây	18/10/1989	08149	Xã Si Pa Phìn, tỉnh Điện Biên	16	24.468.000	23	22.303.040	21	25.872.100	246	283.744.900	KT 9
17	Thào A Tùa	05/10/1998	08226	Bản Nậm Là, xã Mường Nhé, tỉnh Điện Biên	15	22.160.000	23	33.929.820	26	36.389.500	253	323.471.500	KT 9
18	Giàng A Khai	21/03/1988	08309	Đồn Thông, xã Quảng Lâm, tỉnh Điện Biên	22	26.693.300	22	19.770.500	20	28.319.600	264	332.819.500	KT 9

**Ghi chú**

Một số chế độ đãi ngộ đã thực hiện đối với thợ lò, cơ điện lò là công nhân của Công ty.

1. Đối với việc ăn ở, đi lại, tắm giặt sau ca làm việc:

+ Công ty thực hiện phục vụ ăn tự chọn miễn phí 100% số người lao động làm việc trong khai trường, đảm bảo chất lượng tốt, đáp ứng tái sản xuất sức khỏe cho người lao động.

Trong đó mức ăn định lượng của thợ lò và những người làm việc trong hầm lò là 65.000 đồng/công (bao gồm cả bữa chính và bữa phụ).

+ Sau ca làm việc, Công nhân làm trong hầm lò được phục vụ: Nhà tắm nước nóng, lạnh. Quần áo, ủng mũ có Bộ phận giặt sấy và xếp gọn vào tủ đồ riêng của từng cá nhân.



*[Handwritten signature]*

- + Người lao động đến nơi làm việc và trở về nơi ở được Công ty bố trí xe 45 chỗ đưa đón miễn phí phương tiện đảm bảo An toàn, sạch sẽ, có máy điều hòa nhiệt độ.
- + Công ty có 02 khu nhà chung cư (Khu 5 tầng và khu 9 tầng) với 156 phòng nghỉ khép kín có đủ các điều kiện cơ bản để sinh hoạt (Giường tủ, bàn ghế, điều hòa nhiệt độ, quạt,...) Khuôn viên khang trang, có các cơ sở phục vụ nhu cầu giải trí như công cụ hỗ trợ tập thể dục và sân Bóng đá, Bóng chuyền, Bi a, bóng bàn phục vụ nhu cầu giải trí.
- + Công ty tổ chức cấp phát đá viên, viên uống C sủi đầu các ca sản xuất đến tận nhà giao ca của các đơn vị để phục vụ người lao động làm việc trong các tháng mùa hè nóng bức. Công ty thường xuyên cải thiện môi trường làm việc kết hợp trang bị các Phương tiện bảo hộ cá nhân đặc thù nhằm giữ gìn sức khỏe cho người lao động như mặt nạ chống bụi trong hầm lò, áo điều hòa khi làm việc tại các phòng, kho bãi nắng nóng.
- Trong các dịp tết nguyên đán: Công ty bố trí xe ca đưa đón Công nhân về quê về quê đón tết, và hỗ trợ tiền vé xe đối với các khu vực không bố trí được xe tuyến (do ít người không đủ chuyến, do vị trí di chuyển quá gần).
  - Các dịp lễ, tết người lao động được nghỉ và hưởng nguyên lương và bổ sung tiền lương theo từng dịp.
  - Hàng tháng được khuyến khích tiền lương theo thâm niên nghề đối với thợ lò có thời gian công tác từ 03 năm trở lên và tỷ lệ tăng theo số năm công tác, Bình quân chi trả thường xuyên là 1.500.000đ/người/tháng
  - Thợ lò, cơ điện lò không ở cùng gia đình làm việc đủ từ 21 công -:- 24 công/tháng được đăng ký nghỉ làm việc từ 3-5 ngày/tháng để về thăm gia đình ở xa nơi làm việc và được Công ty hỗ trợ tiền xe cho công nhân là: 500.000đ/lần/1 lượt.
  - Hàng năm công ty chi trả tiền lương khuyến khích an toàn năm cho người lao động theo mức từ 3 -:- 5 tháng bình quân tiền lương an toàn hàng tháng, tùy theo mức độ của công việc người lao động thực hiện liên quan đến công tác an toàn.
  - Các Quý khi phát động người lao động tăng ca tỉ lệ thực hiện ngày công hữu ích phục vụ sản xuất, Công ty xét khuyến khích đối với người lao động là thợ lò, cơ điện lò có ngày công cao từ 1.000.000đ – 2.000.000đ /người/Quý.
  - Hàng năm Công ty tổ chức đào tạo học liên thông từ sơ cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò lên trung cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò, học ngoài giờ sản xuất, cấp học bổng trong thời gian học lý thuyết mỗi tháng 1.000.000 đ nếu đi học đầy đủ, xuất sắc.
  - Hàng tháng Công ty xét khuyến khích tiền lương cho công nhân thợ lò, cơ điện lò có bằng trung cấp nghề trở lên mỗi tháng từ 700.000đ - 2.000.000đ.
  - Công tác khám sức khỏe định kỳ được thực hiện 2 lần/năm đối với Công nhân làm việc nặng nhọc, độc hại
  - Hàng năm công ty hỗ trợ tiền 2.500.000 đ cho CBCNV toàn Công ty đi nghỉ cuối tuần và hỗ trợ 3.000.000 đ cho kỳ nghỉ cuối năm.
  - Đối với thợ lò và cơ điện lò có thành tích xuất sắc được Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tuyên dương, được Công ty tổ chức chuyến du lịch từ 5 -:-7 ngày trong và ngoài nước cho công nhân và người thân với mức chi phí từ 18.000.000 đ – 30.000.000 đ.
  - Thống kê công nhân có thu nhập cao từ năm 2023 đến năm 2025 của Công ty.
    - Năm 2023 Công ty có : 03 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng/người/ năm trở lên
      - : 24 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm
      - : 315 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
      - : 1172 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm trở lên.
    - Năm 2024 Công ty có:
      - : 10 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng/người/ năm trở lên





Số: 127/XN-VDHC

Quảng Ninh, ngày 28/01/2026

**BẢNG TỔNG HỢP TIỀN LƯƠNG THỰC TẾ HÀNG THÁNG CỦA LAO ĐỘNG THỢ LÒ (THỢ LÒ, CƠ ĐIỆN LÒ)**

Theo Công văn số: 246/CĐTKV-TTTS ngày 15/01/2026 của Trường Cao đẳng Than-Khoáng sản Việt Nam

Tỉnh: Bắc Kạn

TT	Họ Tên	Ngày sinh	Số thẻ	Hộ khẩu	Tháng 10/2025		Tháng 11/2025		Tháng 12/2025		12 tháng/2025		Phân xưởng
					Công	Tiền lương							
1	Phùng Văn Sao	10/01/1988	08710	Khuổi Tuấn, Nghiêm Loan, Pác Nặm, Bắc Kạn	23	22.562.500	22	19.571.025	15	16.962.000	259	267.336.000	ĐL BCG
2	Triệu Văn Thắng	14/01/1994	08980	Bản Châng, Mỹ Thanh, Bạch Thông, Bắc Kạn	24	24.048.200	22	25.350.180	23	26.938.400	255	301.052.400	ĐL 4
3	Triệu Phúc Xuân	29/12/1992	09010	Mỏ Khang, Hòa Mục, Chợ Mới, Bắc Kạn	21	26.038.200	21	26.586.955	21	26.925.900	248	315.616.800	ĐL 4
4	Hà Văn Liêm	26/11/1982	08396	Phiêng Khảo, Thanh Vận, Chợ Mới, Bắc Kạn	24	35.272.600	23	26.191.985	22	28.381.700	269	356.398.600	ĐL 6
5	Vi Triệu Túc	26/08/1995	08065	Khuổi Lính, Bằng Thành, Pác Nặm, Bắc Kạn	22	24.210.600	24	28.768.095	16	22.671.000	258	369.224.500	KT 10
6	Đào Văn Công	28/10/1993	08772	Hợp Tiến, Bản Thi, Chợ Đồn, Bắc Kạn	23	23.498.500	21	27.375.670	21	24.786.700	245	324.682.800	KT 10
7	Hoàng Dương Lập	13/01/1986	08873	Nà Tấu, Công Bằng, Pác Nặm, Bắc Kạn	23	20.967.200	25	26.915.765	21	27.084.800	264	294.651.200	KT 11
8	La Quý Trung	01/02/1994	07665	Bản Bia, TT. Yên Lạc, Na Rì, Bắc Kạn	25	32.059.000	20	23.453.245	23	32.061.000	263	356.412.600	KT 4
9	Triệu Hữu Ngân	30/01/1984	08214	Nà Cọ, Khang Ninh, Ba Bể, Bắc Kạn	24	33.234.400	21	27.582.750	22	32.141.200	268	394.611.800	KT 5
10	Hoàng Văn Thim	19/01/1985	08458	Lũng Piầu, Phúc Lộc, Ba Bể, Bắc Kạn	23	34.545.000	25	25.498.421	21	31.819.000	263	442.907.900	KT 6
11	Nông Văn Hoàng	25/07/1993	08500	Trung Tâm, Đại Sào, Chợ Đồn, Bắc Kạn	21	20.573.000	20	23.766.300	20	22.832.800	234	314.928.800	KTCGH 01
12	Nông Hồng Quân	27/09/1992	08004	Khuổi Tầu, Phúc Lộc, Ba Bể, Bắc Kạn	27	31.381.500	20	28.071.520	21	28.471.100	276	357.022.900	KTCGH 02
13	Hoàng Văn Nguyễn	22/02/1989	09396	Nà Tu, Cẩm Giàng, Bạch Thông, Bắc Kạn	21	24.907.600	21	16.346.200	17	16.365.200	238	284.842.000	ĐL BCG
14	Lường Ngọc Anh	10/06/1985	08453	Tiểu Khu 3, TT. Nà Phặc, Ngân Sơn, Bắc Kạn	18	27.184.600	22	30.188.620	21	27.871.000	228	438.246.000	KT 5

**Ghi chú**

Một số chế độ đãi ngộ đã thực hiện đối với thợ lò, cơ điện lò là công nhân của Công ty.

1. Đối với việc ăn ở, đi lại, tắm giặt sau ca làm việc:

+ Công ty thực hiện phục vụ ăn tự chọn miễn phí 100% số người lao động làm việc trong khai trường, đảm bảo chất lượng tốt, đáp ứng tái sản xuất sức khỏe cho người lao động.

Trong đó mức ăn định lượng của thợ lò và những người làm việc trong hầm lò là 65.000 đồng/công (bao gồm cả bữa chính và bữa phụ).

+ Sau ca làm việc, Công nhân làm trong hầm lò được phục vụ: Nhà tắm nước nóng, lạnh. Quần áo, ủng mũ có Bộ phận giặt sấy và xếp gọn vào tủ đồ riêng của từng cá nhân.



*[Handwritten signature]*

- + Người lao động đến nơi làm việc và trở về nơi ở được Công ty bố trí xe 45 chỗ đưa đón miễn phí phương tiện đảm bảo An toàn, sạch sẽ, có máy điều hòa nhiệt độ.
- + Công ty có 02 khu nhà chung cư (Khu 5 tầng và khu 9 tầng) với 156 phòng nghỉ khép kín có đủ các điều kiện cơ bản để sinh hoạt (Giường tủ, bàn ghế, điều hòa nhiệt độ, quạt,...) Khuôn viên kang trang, có các cơ sở phục vụ nhu cầu giải trí như công cụ hỗ trợ tập thể dục và sân Bóng đá, Bóng chuyền, Bi a, bóng bàn phục vụ nhu cầu giải trí.
- + Công ty tổ chức cấp phát đá viên, viên uống C sủi đầu các ca sản xuất đến tận nhà giao ca của các đơn vị để phục vụ người lao động làm việc trong các tháng mùa hè nóng bức. Công ty thường xuyên cải thiện môi trường làm việc kết hợp trang bị các Phương tiện bảo hộ cá nhân đặc thù nhằm giữ gìn sức khỏe cho người lao động như mặt nạ chống bụi trong hầm lò, áo điều hòa khi làm việc tại các phòng, kho bãi nắng nóng.
2. Trong các dịp tết nguyên đán: Công ty bố trí xe ca đưa đón Công nhân về quê về quê đón tết, và hỗ trợ tiền vé xe đối với các khu vực không bố trí được xe tuyến (do ít người không đủ chuyến, do vị trí di chuyển quá gần).
  3. Các dịp lễ, tết người lao động được nghỉ và hưởng nguyên lương và bổ sung tiền lương theo từng dịp.
  4. Hàng tháng được khuyến khích tiền lương theo thâm niên nghề đối với thợ lò có thời gian công tác từ 03 năm trở lên và tỷ lệ tăng theo số năm công tác, Bình quân chi trả thường xuyên là 1.500.000đ/người/tháng
  5. Thợ lò, cơ điện lò không ở cùng gia đình làm việc đủ từ 21 công -:- 24 công/tháng được đăng ký nghỉ làm việc từ 3-5 ngày/tháng để về thăm gia đình ở xa nơi làm việc và được Công ty hỗ trợ tiền xe cho công nhân là: 500.000đ/lần/1 lượt.
  6. Hàng năm công ty chi trả tiền lương khuyến khích an toàn năm cho người lao động theo mức từ 3 -:- 5 tháng bình quân tiền lương an toàn hàng tháng, tùy theo mức độ của công việc người lao động thực hiện liên quan đến công tác an toàn.
  7. Các Quý khi phát động người lao động tăng ca tỉ lệ thực hiện ngày công hữu ích phục vụ sản xuất, Công ty xét khuyến khích đối với người lao động là thợ lò, cơ điện lò có ngày công cao từ 1.000.000đ – 2.000.000đ /người/Quý.
  8. Hàng năm Công ty tổ chức đào tạo học liên thông từ sơ cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò lên trung cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò, học ngoài giờ sản xuất, cấp học bổng trong thời gian học lý thuyết mỗi tháng 1.000.000 đ nếu đi học đầy đủ, xuất sắc.
  9. Hàng tháng Công ty xét khuyến khích tiền lương cho công nhân thợ lò, cơ điện lò có bằng trung cấp nghề trở lên mỗi tháng từ 700.000đ - 2.000.000đ.
  10. Công tác khám sức khỏe định kỳ được thực hiện 2 lần/năm đối với Công nhân làm việc nặng nhọc, độc hại
  11. Hàng năm công ty hỗ trợ tiền 2.500.000 đ cho CBCNV toàn Công ty đi nghỉ cuối tuần và hỗ trợ 3.000.000 đ cho kỳ nghỉ cuối năm.
  12. Đối với thợ lò và cơ điện lò có thành tích xuất sắc được Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tuyên dương, được Công ty tổ chức chuyến du lịch từ 5 -:-7 ngày trong và ngoài nước cho công nhân và người thân với mức chi phí từ 18.000.000 đ – 30.000.000 đ.
  13. Thống kê công nhân có thu nhập cao từ năm 2023 đến năm 2025 của Công ty.
    - Năm 2023 Công ty có : 03 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng/người/ năm trở lên
      - : 24 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm
      - : 315 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
      - : 1172 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm trở lên.
    - Năm 2024 Công ty có:
      - : 10 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng/người/ năm trở lên



*[Handwritten signature]*

- : 64 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm.
- : 147 thợ lò có tổng thu nhập từ 450 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
- : 351 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <450 triệu đồng/người/ năm.
- : 639 thợ lò có tổng thu nhập từ 350 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm.
- : 566 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng /người/ năm trở lên.

- Năm 2025 Công ty có:

- : 02 thợ lò có tổng thu nhập từ 700 triệu đồng/người/ năm trở lên
- : 08 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng đến <700 triệu đồng/người/ năm.
- : 56 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm.
- : 433 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
- : 586 thợ lò có tổng thu nhập từ 350 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm.
- : 566 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng /người/ năm trở lên.

14. Hàng tháng Công ty hỗ trợ (tiền lương danh nghĩa) như tiền ăn, tắm giặt, đi lại, trang bị BHLĐ, nhà ở...3.500.000đ/người/tháng.

15. Các tổ chức đoàn thể và chuyên môn Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho người lao động: Hội diễn văn nghệ, các giải thể thao bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, bóng bàn, các trò chơi dân gian vào các ngày lễ kỷ niệm của ngành than và đất nước.

16. Hàng năm thợ lò, cơ điện lò tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất được đi thăm quan, nghỉ mát cùng các thành viên trong gia đình từ 3 - 5 ngày, toàn bộ chi phí ăn ở, đi lại.. do Công ty chi trả.

**Người lập**



**Phan Thị Hoa**

**TP. TCLĐ-YT**



**Nguyễn Hải Phi**



**Cao Việt Phương**



Số: 1127/ XN-VDHC

Quảng Ninh, ngày 28/01/2026

**BẢNG TỔNG HỢP TIỀN LƯƠNG THỰC TẾ HÀNG THÁNG CỦA LAO ĐỘNG THỢ LÒ (THỢ LÒ, CƠ ĐIỆN LÒ)**

Theo Công văn số: 246/CĐTKV-TTTS ngày 15/01/2026 của Trường Cao đẳng Than-Khoáng sản Việt Nam

Tỉnh: **Quảng Trị**

TT	Họ Tên	Ngày sinh	Số thẻ	Hộ khẩu	Tháng 10/2025		Tháng 11/2025		Tháng 12/2025		12 tháng/2025		Phân xưởng
					Công	Tiền lương							
	<b>Quảng Trị</b>												
1	Dương Đình Vương	25/06/1991	7462	Thôn Hữu Hòa, xã Triệu Bình, tỉnh Quảng Trị	25	24.434.900	26	29.286.050	21	25.180.700	291	346.474.300	KT 1
2	Hồ Văn Suốt	15/07/1994	7808	thôn Đồng Đồng, xã Hướng Hiệp, Quảng Trị	19	24.759.700	21	26.606.265	22	31.105.300	257	372.500.000	KT 4
3	Nguyễn Mạnh Tuấn	27/07/1988	8442	Khu Tân Lệ, P. Hải Lệ, Quảng Trị	26	35.646.100	26	36.025.600	26	38.904.100	314	475.078.300	KTCGH 02
5	Hồ Văn Vun	05/05/2000	9244	Thôn Vàng, xã A Dơi, tỉnh Quảng Trị	17	19.130.000	21	17.187.780	21	22.685.200	250	286.707.600	ĐL CGĐB
6	Hồ Văn Nghĩ	16/01/1998	9482	Khóm Arông, xã Hướng Hiệp, tỉnh Quảng Trị	24	38.353.900	22	32.501.566	22	32.885.600	273	409.069.100	KT 5
7	Hồ Văn Lưu	08/10/2004	9249	Thôn Mới, xã Lia, tỉnh Quảng Trị	24	23.554.200	22	23.306.720	17	18.139.200	235	273.624.700	ĐL CGĐB

**Ghi chú**

Một số chế độ đãi ngộ đã thực hiện đối với thợ lò, cơ điện lò là công nhân của Công ty.

1. Đối với việc ăn ở, đi lại, tắm giặt sau ca làm việc:

+ Công ty thực hiện phục vụ ăn tự chọn miễn phí 100% số người lao động làm việc trong khai trường, đảm bảo chất lượng tốt, đáp ứng tái sản xuất sức khỏe cho người lao động. Trong đó mức ăn định lượng của thợ lò và những người làm việc trong hầm lò là 65.000 đồng/công (bao gồm cả bữa chính và bữa phụ).

+ Sau ca làm việc, Công nhân làm trong hầm lò được phục vụ: Nhà tắm nước nóng, lạnh. Quần áo, ủng mũ có Bộ phận giặt sấy và xếp gọn vào tủ đồ riêng của từng cá nhân.

+ Người lao động đến nơi làm việc và trở về nơi ở được Công ty bố trí xe 45 chỗ đưa đón miễn phí phương tiện đảm bảo An toàn, sạch sẽ, có máy điều hòa nhiệt độ.

+ Công ty có 02 khu nhà chung cư (Khu 5 tầng và khu 9 tầng) với 156 phòng nghỉ khép kín có đủ các điều kiện cơ bản để sinh hoạt (Giường tủ, bàn ghế, điều hòa nhiệt độ, quạt,...) Khuôn viên khang trang, có các cơ sở phục vụ nhu cầu giải trí như công cụ hỗ trợ tập thể dục và sân Bóng đá, Bóng chuyền, Bi a, bóng bàn phục vụ nhu cầu giải trí.

+ Công ty tổ chức cấp phát đá viên, viên uống C sủi đầu các ca sản xuất đến tận nhà giao ca của các đơn vị để phục vụ người lao động làm việc trong các tháng mùa hè nóng bức. Công ty thường xuyên cải thiện môi trường làm việc kết hợp trang bị các Phương tiện bảo hộ cá nhân đặc thù nhằm giữ gìn sức khỏe cho người lao động như mặt nạ chống bụi trong hầm lò, áo điều hòa khi làm việc tại các phòng, kho bãi nắng nóng.

2. Trong các dịp tết nguyên đán: Công ty bố trí xe ca đưa đón Công nhân về quê về quê đón tết, và hỗ trợ tiền vé xe đối với các khu vực không bố trí được xe tuyến (do ít người không đủ chuyến, do vị trí di chuyển quá gần).



*[Handwritten signature]*

3. Các dịp lễ, tết người lao động được nghỉ và hưởng nguyên lương và bổ sung tiền lương theo từng dịp.
4. Hàng tháng được khuyến khích tiền lương theo thâm niên nghề đối với thợ lò có thời gian công tác từ 03 năm trở lên và tỷ lệ tăng theo số năm công tác, Bình quân chi trả thường xuyên là 1.500.000đ/người/tháng
5. Thợ lò, cơ điện lò không ở cùng gia đình làm việc đủ từ 21 công :- 24 công/tháng được đăng ký nghỉ làm việc từ 3-5 ngày/tháng để về thăm gia đình ở xa nơi làm việc và được Công ty hỗ trợ tiền xe cho công nhân là: 500.000đ/lần/1 lượt.
6. Hàng năm công ty chi trả tiền lương khuyến khích an toàn năm cho người lao động theo mức từ 3 :- 5 tháng bình quân tiền lương an toàn hàng tháng, tùy theo mức độ của công việc người lao động thực hiện liên quan đến công tác an toàn.
7. Các Quý khi phát động người lao động tăng cao tỉ lệ thực hiện ngày công hữu ích phục vụ sản xuất, Công ty xét khuyến khích đối với người lao động là thợ lò, cơ điện lò có ngày công cao từ 1.000.000đ – 2.000.000đ /người/Quý.
8. Hàng năm Công ty tổ chức đào tạo học liên thông từ sơ cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò lên trung cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò, học ngoài giờ sản xuất, cấp học bổng trong thời gian học lý thuyết mỗi tháng 1.000.000 đ nếu đi học đầy đủ, xuất sắc.
9. Hàng tháng Công ty xét khuyến khích tiền lương cho công nhân thợ lò, cơ điện lò có bằng trung cấp nghề trở lên mỗi tháng từ 700.000đ - 2.000.000đ.
10. Công tác khám sức khỏe định kỳ được thực hiện 2 lần/năm đối với Công nhân làm việc nặng nhọc, độc hại
11. Hàng năm công ty hỗ trợ tiền 2.500.000 đ cho CBCNV toàn Công ty đi nghỉ cuối tuần và hỗ trợ 3.000.000 đ cho kỳ nghỉ cuối năm.
12. Đối với thợ lò và cơ điện lò có thành tích xuất sắc được Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tuyên dương, được Công ty tổ chức chuyến du lịch từ 5 :-7 ngày trong và ngoài nước cho công nhân và người thân với mức chi phí từ 18.000.000 đ – 30.000.000 đ.
13. Thống kê công nhân có thu nhập cao từ năm 2023 đến năm 2025 của Công ty.
  - Năm 2023 Công ty có : 03 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng/người/ năm trở lên
    - : 24 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm
    - : 315 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
    - : 1172 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm trở lên.
  - Năm 2024 Công ty có:
    - : 10 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng/người/ năm trở lên
    - : 64 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm.
    - : 147 thợ lò có tổng thu nhập từ 450 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
    - : 351 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <450 triệu đồng/người/ năm.
    - : 639 thợ lò có tổng thu nhập từ 350 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm.
    - : 566 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng /người/ năm trở lên.
  - Năm 2025 Công ty có:
    - : 02 thợ lò có tổng thu nhập từ 700 triệu đồng/người/ năm trở lên
    - : 08 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng đến <700 triệu đồng/người/ năm.



Handwritten signature in blue ink.

- : 56 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm.
- : 433 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
- : 586 thợ lò có tổng thu nhập từ 350 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm.
- : 566 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng /người/ năm trở lên.

14. Hàng tháng Công ty hỗ trợ (tiền lương danh nghĩa) như tiền ăn, tắm giặt, đi lại, trang bị BHLĐ, nhà ở...3.500.000đ/người/tháng.

15. Các tổ chức đoàn thể và chuyên môn Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho người lao động: Hội diễn văn nghệ, các giải thể thao bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, bóng bàn, các trò chơi dân gian vào các ngày lễ kỷ niệm của ngành than và đất nước.

16. Hằng năm thợ lò, cơ điện lò tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất được đi thăm quan, nghỉ mát cùng các thành viên trong gia đình từ 3 - 5 ngày, toàn bộ chi phí ăn ở, đi lại.. do Công ty chi trả.

**Người lập**



**Phan Thị Hoa**

**TP. TCLĐ-YT**



**Nguyễn Hải Phi**

**GIÁM ĐỐC**



**Cao Việt Phương**



Số: 1127/XN-VDHC

Quảng Ninh, ngày 28/01/2026

**BẢNG TỔNG HỢP TIỀN LƯƠNG THỰC TẾ HÀNG THÁNG CỦA LAO ĐỘNG THỢ LÒ (THỢ LÒ, CƠ ĐIỆN LÒ)**

Theo Công văn số: 246/CĐTKV-TTTS ngày 15/01/2026 của Trường Cao đẳng Than-Khoáng sản Việt Nam

Tỉnh: Quảng Nam

TT	Họ Tên	Ngày sinh	Số thẻ	Hộ khẩu	Tháng 10/2025		Tháng 11/2025		Tháng 12/2025		12 tháng/2025		Phân xưởng
					Công	Tiền lương							
	<b>Quảng Nam</b>												
1	Hồ Minh Thoáng	15/07/2002	08824	Thôn 4, xã Trà Bui, Trà My, Quảng Nam	23	20.804.600	24	24.623.670	25	28.608.200	283	285.245.700	KT 9
2	Huỳnh Lê Tín	14/01/1993	9140	Tây Lễ, xã Đại Thạnh, Đại Lộc, Quảng Nam	19	24.299.200	15	17.500.190	23	24.626.200	238	287.192.200	ĐL 5
3	Hồ Văn Luật	02/05/2002	08842	Thôn 4, xã Trà Bui, Bắc Trà My, Quảng Nam	24	18.591.000	25	21.374.270	29	31.496.200	291	287.876.000	KT 6

**Ghi chú**

Một số chế độ đãi ngộ đã thực hiện đối với thợ lò, cơ điện lò là công nhân của Công ty.

1. Đối với việc ăn ở, đi lại, tắm giặt sau ca làm việc:

- + Công ty thực hiện phục vụ ăn tự chọn miễn phí 100% số người lao động làm việc trong khai trường, đảm bảo chất lượng tốt, đáp ứng tái sản xuất sức khỏe cho người lao động. Trong đó mức ăn định lượng của thợ lò và những người làm việc trong hầm lò là 65.000 đồng/công (bao gồm cả bữa chính và bữa phụ).
- + Sau ca làm việc, Công nhân làm trong hầm lò được phục vụ: Nhà tắm nước nóng, lạnh. Quần áo, ủng mũ có Bộ phận giặt sấy và xếp gọn vào tủ đồ riêng của từng cá nhân.
- + Người lao động đến nơi làm việc và trở về nơi ở được Công ty bố trí xe 45 chỗ đưa đón miễn phí phương tiện đảm bảo An toàn, sạch sẽ, có máy điều hòa nhiệt độ.
- + Công ty có 02 khu nhà chung cư (Khu 5 tầng và khu 9 tầng) với 156 phòng nghỉ khép kín có đủ các điều kiện cơ bản để sinh hoạt (Giường tủ, bàn ghế, điều hòa nhiệt độ, quạt,...) Khuôn viên khang trang, có các cơ sở phục vụ nhu cầu giải trí như công cụ hỗ trợ tập thể dục và sân Bóng đá, Bóng chuyền, Bi a, bóng bàn phục vụ nhu cầu giải trí.
- + Công ty tổ chức cấp phát đá viên, viên uống C sủi đầu các ca sản xuất đến tận nhà giao ca của các đơn vị để phục vụ người lao động làm việc trong các tháng mùa hè nóng bức. Công ty thường xuyên cải thiện môi trường làm việc kết hợp trang bị các Phương tiện bảo hộ cá nhân đặc thù nhằm giữ gìn sức khỏe cho người lao động như mặt nạ chống bụi trong hầm lò, áo điều hòa khi làm việc tại các phòng, kho bãi nắng nóng.

2. Trong các dịp tết nguyên đán: Công ty bố trí xe ca đưa đón Công nhân về quê về quê đón tết, và hỗ trợ tiền vé xe đối với các khu vực không bố trí được xe tuyến (do ít người không đủ chuyến, do vị trí di chuyển quá gần).

3. Các dịp lễ, tết người lao động được nghỉ và hưởng nguyên lương và bổ sung tiền lương theo từng dịp.

4. Hàng tháng được khuyến khích tiền lương theo thâm niên nghề đối với thợ lò có thời gian công tác từ 03 năm trở lên và tỷ lệ tăng theo số năm công tác, Bình quân chi trả thường xuyên là 1.500.000đ/người/tháng



Handwritten signature or mark in blue ink.

5. Thợ lò, cơ điện lò không ở cùng gia đình làm việc đủ từ 21 công -:- 24 công/tháng được đăng ký nghỉ làm việc từ 3-5 ngày/tháng để về thăm gia đình ở xa nơi làm việc và được Công ty hỗ trợ tiền xe cho công nhân là: 500.000đ/lần/1 lượt.
6. Hàng năm công ty chi trả tiền lương khuyến khích an toàn năm cho người lao động theo mức từ 3 -:- 5 tháng bình quân tiền lương an toàn hàng tháng, tùy theo mức độ của công việc người lao động thực hiện liên quan đến công tác an toàn.
7. Các Quý khi phát động người lao động tăng cao tỉ lệ thực hiện ngày công hữu ích phục vụ sản xuất, Công ty xét khuyến khích đối với người lao động là thợ lò, cơ điện lò có ngày công cao từ 1.000.000đ – 2.000.000đ /người/Quý.
8. Hàng năm Công ty tổ chức đào tạo học liên thông từ sơ cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò lên trung cấp kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò, học ngoài giờ sản xuất, cấp học bổng trong thời gian học lý thuyết mỗi tháng 1.000.000 đ nếu đi học đầy đủ, xuất sắc.
9. Hàng tháng Công ty xét khuyến khích tiền lương cho công nhân thợ lò, cơ điện lò có bằng trung cấp nghề trở lên mỗi tháng từ 700.000đ - 2.000.000đ.
10. Công tác khám sức khỏe định kỳ được thực hiện 2 lần/năm đối với Công nhân làm việc nặng nhọc, độc hại
11. Hàng năm công ty hỗ trợ tiền 2.500.000 đ cho CBCNV toàn Công ty đi nghỉ cuối tuần và hỗ trợ 3.000.000 đ cho kỳ nghỉ cuối năm.
12. Đối với thợ lò và cơ điện lò có thành tích xuất sắc được Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tuyên dương, được Công ty tổ chức chuyến du lịch từ 5 -:-7 ngày trong và ngoài nước cho công nhân và người thân với mức chi phí từ 18.000.000 đ – 30.000.000 đ.
13. Thống kê công nhân có thu nhập cao từ năm 2023 đến năm 2025 của Công ty.
  - Năm 2023 Công ty có : 03 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng/người/ năm trở lên
    - : 24 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm
    - : 315 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
    - : 1172 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm trở lên.
  - Năm 2024 Công ty có:
    - : 10 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng/người/ năm trở lên
    - : 64 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm.
    - : 147 thợ lò có tổng thu nhập từ 450 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
    - : 351 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <450 triệu đồng/người/ năm.
    - : 639 thợ lò có tổng thu nhập từ 350 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm.
    - : 566 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng /người/ năm trở lên.
  - Năm 2025 Công ty có:
    - : 02 thợ lò có tổng thu nhập từ 700 triệu đồng/người/ năm trở lên
    - : 08 thợ lò có tổng thu nhập từ 600 triệu đồng đến <700 triệu đồng/người/ năm.
    - : 56 thợ lò có tổng thu nhập từ 500 triệu đồng đến <600 triệu đồng/người/ năm.
    - : 433 thợ lò có tổng thu nhập từ 400 triệu đồng đến <500 triệu đồng/người/ năm.
    - : 586 thợ lò có tổng thu nhập từ 350 triệu đồng đến <400 triệu đồng/người/ năm.



: 566 thợ lò có tổng thu nhập từ 300 triệu đồng /người/ năm trở lên.

14. Hàng tháng Công ty hỗ trợ (tiền lương danh nghĩa) như tiền ăn, tắm giặt, đi lại, trang bị BHLĐ, nhà ở...3.500.000đ/người/tháng.

15. Các tổ chức đoàn thể và chuyên môn Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho người lao động: Hội diễn văn nghệ, các giải thể thao bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, bóng bàn, các trò chơi dân gian vào các ngày lễ kỷ niệm của ngành than và đất nước.

16. Hằng năm thợ lò, cơ điện lò tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất được đi thăm quan, nghỉ mát cùng các thành viên trong gia đình từ 3 - 5 ngày, toàn bộ chi phí ăn ở, đi lại.. do Công ty chi trả.

**Người lập**



**Phan Thị Hoa**

**TP. TCLĐ-YT**



**Nguyễn Hải Phi**



**GIÁM ĐỐC**

**Cao Việt Phương**

